

Số: /TB-SPS-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2026

## THÔNG BÁO

### **Tổng hợp thông báo dự thảo và thông báo có hiệu lực về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) từ ngày 01/6 - 15/6/2026**

Văn phòng SPS Việt Nam tổng hợp thông báo dự thảo và thông báo có hiệu lực về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) từ ngày 01/6-15/6/2026 của Thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (sau đây gọi tắt là thông báo), cụ thể:

#### **1. Số lượng thông báo: 43, trong đó gồm:**

- 18 thông báo dự thảo lấy ý kiến;
- 25 thông báo có hiệu lực.

#### **2. Một số thông báo cần chú ý:**

a) Hoa Kỳ có 06 thông báo lấy ý kiến đối với các kiến nghị quy định mới, sửa đổi hoặc miễn trừ yêu cầu áp dụng mức dư lượng hóa chất thuốc bảo vệ thực vật trên nhiều mặt hàng thực phẩm, nông sản và thức ăn chăn nuôi; ban hành quy định cuối cùng về mức dư lượng đối với một số hoạt chất; đồng thời mở lại thời hạn lấy ý kiến đối với kiến nghị sửa đổi quy định về phụ gia thực phẩm và phụ gia tạo màu, cụ thể:

- Thông báo lấy ý kiến đối với một số kiến nghị về việc quy định mới, sửa đổi hoặc miễn trừ yêu cầu áp dụng mức dư lượng hóa chất thuốc bảo vệ thực vật trên nhiều mặt hàng thực phẩm, nông sản và thức ăn chăn nuôi số **G/SPS/N/USA/3572** và **G/SPS/N/USA/3573** ngày 15/6/2026. Theo đó, quy định mức dư lượng đối với hoạt chất inpyrfluxam trên phân nhóm lúa mạch (gồm cỏ khô, rom, hạt), phân nhóm rau củ và thân củ, nhóm quả dạng táo; quy định mức dư lượng mancozeb trên quả nhãn ở mức 15 ppm; miễn trừ yêu cầu áp dụng mức dư lượng đối với một số thành phần trợ sử dụng trong công thức thuốc bảo vệ thực vật; sửa đổi, bãi bỏ hoặc quy định mức dư lượng đối với cymoxanil, famoxadone, trifloxystrobin, fenpropathrin, afidopyropen và abamectin trên một số nhóm rau, củ, quả, thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Hoa Kỳ cho biết sẽ xem xét hài hòa với tiêu chuẩn Codex; tuy nhiên, một số mức dư lượng được kiến nghị có thể khác Codex do dựa trên dữ liệu gửi tới Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ (EPA).

- Nhóm thông báo còn lại của Hoa Kỳ chủ yếu liên quan đến việc mở lại thời hạn lấy ý kiến đối với kiến nghị sửa đổi quy định về phụ gia tạo màu, phụ gia thực phẩm theo hướng xem xét loại bỏ một số dung môi được chỉ định; đồng thời ban hành quy định cuối cùng về mức dư lượng đối với pydiflumetofen trên mía, thân cây mía và Propylene Oxide trên một số mặt hàng nông sản thực phẩm.

b) Liên minh châu Âu đăng tải 07 thông báo liên quan đến kiểm soát chính thức và biện pháp khẩn cấp đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước thứ ba; gia hạn cấp phép, sửa đổi quy định về phụ gia thức ăn chăn nuôi; cập nhật hồ sơ đăng ký cấp phép phụ gia thức ăn chăn nuôi và biện pháp kiểm dịch thực vật đối với một số cây trồng/thực vật để trồng, cụ thể:

- Ban hành Quy định (EU) 2026/1206 sửa đổi Quy định (EU) 2019/1793 về việc tạm thời tăng cường kiểm soát chính thức và áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với một số hàng hóa nhập khẩu từ một số nước thứ ba. Quy định bổ sung lạc và sản phẩm từ lạc của Ác-hen-ti-na vào diện kiểm tra 20% do rủi ro aflatoxin; tăng tần suất kiểm tra đối với một số mặt hàng như hạt cumin của Ấn Độ, đậu đũa của Xri Lan-ca, tahini và halva từ hạt vừng của Xi-ri, cà tím của Buốc-ki-na Pha-xô và na của Ai Cập. Quy định không điều chỉnh tần suất kiểm tra đối với các mặt hàng của Việt Nam so với danh sách đang áp dụng, theo đó tiếp tục duy trì kiểm soát đối với 04 sản phẩm, gồm: sầu riêng tươi hoặc đông lạnh với tần suất kiểm tra 20%; 03 sản phẩm khi nhập khẩu vào EU phải có giấy chứng nhận kết quả lấy mẫu, phân tích kèm theo lô hàng, gồm: đậu bắp và ớt thuộc chi *Capsicum* loại không ngọt với tần suất 50%; thanh long với tần suất 30%.

- Nhóm thông báo còn lại chủ yếu liên quan đến việc gia hạn cấp phép hoặc sửa đổi quy định đối với phụ gia thức ăn chăn nuôi, gồm neohesperidine dihydrochalcone, beta-carotene, inositol, các chế phẩm *Lactiplantibacillus plantarum* và *Lentilactobacillus buchneri*; cập nhật mẫu đơn đăng ký cấp phép phụ gia thức ăn chăn nuôi; đồng thời sửa đổi một số trường hợp miễn áp dụng biện pháp phòng ngừa đối với dịch hại không kiểm dịch thuộc diện quản lý trên cây trồng/thực vật để trồng.

c) Thị trường Nhật Bản đăng tải 03 thông báo liên quan đến quản lý sinh vật ngoại lai xâm hại, phòng chống dịch bệnh gia súc và yêu cầu thông báo trước khi nhập khẩu đối với một số động vật sống. Theo đó, Nhật Bản dự thảo sửa đổi Danh mục sinh vật sống bị quản lý theo Luật Sinh vật ngoại lai xâm hại đối với một số loài cá nước ngọt sống thuộc mã HS 0106.90; sửa đổi quy định về phòng, chống bệnh truyền nhiễm gia súc, trong đó điều chỉnh cơ chế xử lý đối với lợn mắc hoặc nghi mắc Dịch tả lợn cổ điển, bổ sung bệnh Viêm da nổi cục trên bò vào danh mục bệnh truyền nhiễm gia súc thuộc diện kiểm soát; đồng thời bổ sung thỏ sống và ong mật sống vào danh mục động vật phải thông báo trước khi nhập khẩu. Từ ngày 01/01/2027, việc nhập khẩu thỏ sống và ong mật sống vào Nhật Bản phải được thông báo trước ít nhất 40 ngày cho Cơ quan Kiểm dịch động vật Nhật Bản.

d) Thị trường Cô-lôm-bi-a dự thảo Nghị quyết về việc cấm nhập khẩu, sản xuất, đăng ký, kinh doanh và sử dụng thuốc thú y có chứa các chất kháng vi sinh vật có tầm quan trọng đặc biệt trong thú y, áp dụng đối với thuốc kháng vi sinh vật dùng trong thú y thuộc các mã HS 300310, 300320, 300410 và 300420. Danh mục nhóm hoạt chất bị cấm gồm một số nhóm như carboxypenicillin, ureidopenicillin, một số cephalosporin, carbapenem, penem, monobactam, glycopeptide, lipopeptide, oxazolidinone, một số thuốc kháng virus và các hoạt chất liên quan; không áp dụng đối với thuốc được sản xuất tại Cô-lôm-bi-a chỉ để xuất khẩu và kinh doanh ngoài lãnh thổ nước này. Dự thảo đồng thời quy định yêu cầu ghi nhãn đối với các thuốc

kháng vi sinh vật thú y không thuộc danh mục cấm, đặc biệt là nhóm dẫn xuất axit phosphonic, cephalosporin thế hệ 3 và 4, fluoroquinolone; các thuốc này chỉ được sử dụng cho mục đích điều trị, không được dùng làm chất kích thích tăng trưởng, không được sử dụng như thuốc điều trị ưu tiên ban đầu, phải dựa trên xét nghiệm độ nhạy vi sinh vật và chỉ áp dụng khi không có lựa chọn điều trị hiệu quả khác.

Các tổ chức, cá nhân đang có đăng ký thuốc thuộc diện phải điều chỉnh nhãn có thời hạn tối đa 10 tháng kể từ ngày nghị quyết được công bố để điều chỉnh nhãn; đối với thuốc chứa nhóm hoạt chất bị cấm, doanh nghiệp được phép tiêu thụ hết tồn kho sản phẩm và nhãn đã được phê duyệt trong thời hạn tối đa 10 tháng kể từ ngày công bố. Thời hạn góp ý trước ngày 14/8/2026.

đ) Thị trường Hàn Quốc đăng tải 02 thông báo liên quan đến kiểm dịch thực vật và kiểm dịch động vật nhập khẩu đối với hạt giống, phấn hoa dùng cho thụ phấn, mật ong và phấn hoa dùng làm thức ăn cho ong, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/N/KOR/847 ngày 12/6/2026 về việc sửa đổi biện pháp kiểm dịch thực vật đối với hạt giống để gieo trồng và phấn hoa dùng cho thụ phấn nhập khẩu không kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật. Theo quy định mới, từ ngày 05/9/2026, tất cả các lô hạt giống để gieo trồng và phấn hoa dùng cho thụ phấn nhập khẩu vào Hàn Quốc phải kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan bảo vệ thực vật quốc gia của nước xuất khẩu cấp, không phân biệt số lượng hay phương thức vận chuyển. Quy định mới được ban hành trong bối cảnh Hàn Quốc liên tục phát hiện sinh vật biến đổi gen chưa được cấp phép và dịch hại kiểm dịch trong hạt giống nhập khẩu qua bưu điện và hành lý xách tay.

- Thông báo G/SPS/N/KOR/846 ngày 10/6/2026 về việc sửa đổi quy định kiểm dịch đối với mật ong và phấn hoa dùng làm thức ăn cho ong. Theo đó, Hàn Quốc bổ sung mật ong, sản phẩm có chứa mật ong, phấn hoa do ong mật tạo ra và sản phẩm có chứa phấn hoa vào danh mục hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật nhập khẩu. Khi nhập khẩu, các sản phẩm này phải kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp; sản phẩm đã chiếu xạ phải đáp ứng yêu cầu về cơ sở xử lý, phương pháp xử lý và liều hấp thụ; sản phẩm không chiếu xạ phải đáp ứng yêu cầu về tình trạng dịch bệnh, ký sinh trùng, bao gói và điều kiện vệ sinh. Các lô hàng không đáp ứng yêu cầu kiểm dịch có thể bị tái xuất hoặc tiêu hủy. Quy định dự kiến có hiệu lực từ ngày 27/11/2026.

*(Thông tin tóm tắt các thông báo tại phụ lục kèm theo)*

Văn phòng SPS Việt Nam trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr. Võ Văn Hưng (để b/c);
- TTr. Hoàng Trung (để b/c);
- Các Cục: CN&TY; TT&BVTV; CCPT; LNKL; TSKN;
- Cục XNK (Bộ CT); Cục ATTP (Bộ YT);
- Văn phòng TBT Việt Nam (Bộ KH&CN);
- Sở NN&MT các tỉnh/thành phố;
- Các hiệp hội, ngành hàng;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Ngô Xuân Nam**

**Phụ lục**  
**DANH SÁCH THÔNG BÁO DỰ THẢO VÀ QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT (SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)**  
**TỪ NGÀY 01- 15/6/2026**

(Kèm theo Thông báo số /TB-SPS-BNNMT ngày tháng 6 năm 2026 của Văn phòng SPS Việt Nam)

**1. Danh sách thông báo dự thảo lấy ý kiến góp ý**

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/USA/3572	TTBVTV, CNTY	Hoa Kỳ	15/6/2026	Hoa Kỳ thông báo tiếp nhận và lấy ý kiến đối với một số kiến nghị về việc quy định mới hoặc sửa đổi mức dư lượng hóa chất thuốc bảo vệ thực vật trên nhiều mặt hàng nông sản, trong đó có một số mặt hàng liên quan đến thức ăn chăn nuôi.	<p>Hoa Kỳ thông báo tiếp nhận và lấy ý kiến đối với một số kiến nghị về việc bổ sung hoặc sửa đổi mức dư lượng hóa chất thuốc bảo vệ thực vật trên nhiều mặt hàng nông sản, trong đó có một số mặt hàng liên quan đến thức ăn chăn nuôi.</p> <p>Các kiến nghị gồm: quy định mức dư lượng đối với hoạt chất inpyrflumax trên phân nhóm lúa mạch 15-22B, gồm cỏ khô ở mức 0,5 ppm, rơm ở mức 0,4 ppm và hạt ở mức 0,01 ppm; trên phân nhóm rau củ và thân củ 1C ở mức 0,03 ppm; và trên nhóm quả dạng táo 11-10 ở mức 0,01 ppm. Ngoài ra, kiến nghị quy định mức dư lượng đối với hoạt chất mancozeb trên quả nhãn ở mức 15 ppm.</p> <p>Hoa Kỳ cho biết sẽ xem xét hài hòa với tiêu chuẩn Codex khi có thể; tuy nhiên, một số dư lượng được kiến nghị có thể khác Codex do dựa trên dữ liệu gửi tới EPA.</p> <p>Ngày thông qua, công bố và có hiệu lực của các biện pháp liên quan hiện chưa được xác định.</p> <p>Thời hạn gửi ý kiến trước ngày 13/7/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
2	G/SPS/N/USA/3573	TTBVTV, CCPT, CNTY, ATTP	Hoa Kỳ	15/6/2026	Hoa Kỳ thông báo tiếp nhận và lấy ý kiến đối với một số kiến nghị về việc quy định mới, sửa đổi hoặc miễn trừ yêu cầu áp dụng mức dư lượng hóa chất thuốc bảo vệ thực vật trên nhiều mặt hàng thực phẩm và thức ăn chăn nuôi.	<p>Hoa Kỳ thông báo tiếp nhận và lấy ý kiến đối với một số kiến nghị về việc bổ sung, sửa đổi hoặc miễn trừ yêu cầu áp dụng mức dư lượng hóa chất thuốc bảo vệ thực vật trên nhiều mặt hàng thực phẩm và thức ăn chăn nuôi.</p> <p>Các kiến nghị gồm: miễn trừ yêu cầu áp dụng mức dư lượng đối với một số thành phần trợ sử dụng trong công thức thuốc bảo vệ thực vật; sửa đổi, bãi bỏ hoặc quy định mức dư lượng các hoạt chất cymoxanil và famoxadone trên một số nhóm rau, củ, quả như rau ăn lá, rau ăn cuống lá, rau ăn quả, xoài, khoai tây, nhóm rau lấy rễ, nhóm rau thân củ và một số nhóm đậu; quy định mức dư lượng nhập khẩu đối với trifloxystrobin trên quả bơ ở mức 0,5 ppm; quy định mức dư lượng đối với fenpropathrin trên các mặt hàng thực phẩm/thức ăn chăn nuôi liên quan ở mức 0,9 ppm khi được sử dụng tại cơ sở xử lý thực phẩm/thức ăn chăn nuôi hoặc làm thuốc diệt muỗi trưởng thành trên diện rộng; tăng mức dư lượng hiện hành đối với afidopyropen trên phân nhóm cam 10-10A từ 0,15 ppm lên 0,3 ppm; và quy định mức dư lượng đối với abamectin trên các mặt hàng thực phẩm/thức ăn chăn nuôi liên quan ở mức 0,1 ppm khi được sử dụng tại cơ sở xử lý thực phẩm/thức ăn chăn nuôi hoặc làm thuốc diệt muỗi trưởng thành trên diện rộng.</p> <p>Hoa Kỳ cho biết sẽ xem xét hài hòa với tiêu chuẩn Codex khi có thể; tuy nhiên, một số mức dư lượng được kiến nghị có thể khác Codex do dựa trên dữ liệu gửi tới EPA.</p> <p>Ngày thông qua, công bố và có hiệu lực của các biện pháp liên quan hiện chưa được xác định. Thời hạn gửi ý kiến trước ngày 15/7/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
3	G/SPS/N/COL/427	CNTY	Cô-lôm-bi-a	15/6/2026	Cô-lôm-bi-a dự thảo Nghị quyết về việc cấm nhập khẩu, sản xuất, đăng ký, kinh doanh và sử dụng thuốc thú y có chứa các chất kháng vi sinh vật có tầm quan trọng đặc biệt trong thú y trên lãnh thổ Cô-lôm-bi-a.	<p>Cô-lôm-bi-a dự thảo Nghị quyết về việc cấm nhập khẩu, sản xuất, đăng ký, kinh doanh và sử dụng thuốc thú y có chứa các chất kháng vi sinh vật có tầm quan trọng đặc biệt trong thú y trên lãnh thổ Cô-lôm-bi-a.</p> <p>Biện pháp áp dụng đối với thuốc kháng vi sinh vật dùng trong thú y, mã HS: 300310; 300320; 300410; 300420.</p> <p>Theo dự thảo, danh mục các nhóm hoạt chất bị cấm trong thú y gồm một số nhóm như carboxypenicillin, ureidopenicillin, một số cephalosporin và nhóm cephalosporin đặc thù, carbapenem, penem, monobactam, glycopeptide, lipopeptide, oxazolidinone, một số thuốc kháng virus và các hoạt chất liên quan; không áp dụng đối với thuốc được sản xuất tại Cô-lôm-bi-a chỉ để xuất khẩu và kinh doanh ngoài lãnh thổ nước này.</p> <p>Ngoài ra, dự thảo quy định yêu cầu ghi nhãn đối với các thuốc kháng vi sinh vật thú y không thuộc danh mục cấm, đặc biệt là các nhóm dẫn xuất axit phosphonic, cephalosporin thế hệ 3 và 4, fluoroquinolone. Các thuốc này chỉ được sử dụng cho mục đích điều trị, không được dùng làm chất kích thích tăng trưởng; không được sử dụng như thuốc điều trị ưu tiên ban đầu, phải dựa trên xét nghiệm độ nhạy vi sinh vật và chỉ áp dụng khi không có lựa chọn điều trị hiệu quả khác.</p> <p>Các tổ chức, cá nhân đang có đăng ký thuốc thuộc diện phải điều chỉnh nhãn có thời hạn tối đa 10 tháng kể từ ngày nghị quyết được công bố để điều chỉnh nhãn. Đối với thuốc chứa nhóm hoạt chất bị cấm, doanh nghiệp được phép tiêu thụ hết tồn kho sản phẩm và nhãn đã</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>được phê duyệt trong thời hạn tối đa 10 tháng kể từ ngày công bố. Dự thảo có hiệu lực kể từ ngày công bố trên Công báo Cô-lôm-bi-a.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 14/8/2026.</p>
4	G/SPS/N/JPN/1415	TSKN, CNTY	Nhật Bản	12/6/2026	<p>Nhật Bản dự thảo sửa đổi Danh mục sinh vật sống bị quản lý theo Luật Sinh vật ngoại lai xâm hại. Biện pháp áp dụng đối với một số loài cá nước ngọt sống (thuộc mã HS 0106.90), bao gồm: toàn bộ các loài thuộc chi <i>Lepomis</i>; các sinh vật lai giữa các loài thuộc chi <i>Lepomis</i>; <i>Maccullochella peelii</i>; <i>Macquaria ambigua</i>; và toàn bộ các loài thuộc chi <i>Coreoperca</i> trừ <i>C. kawamebari</i>.</p>	<p>Nhật Bản dự thảo sửa đổi Danh mục sinh vật sống bị quản lý theo Luật Sinh vật ngoại lai xâm hại. Biện pháp áp dụng đối với một số loài cá nước ngọt sống (thuộc mã HS 0106.90), bao gồm: toàn bộ các loài thuộc chi <i>Lepomis</i>; các sinh vật lai giữa các loài thuộc chi <i>Lepomis</i>; <i>Maccullochella peelii</i>; <i>Macquaria ambigua</i>; và toàn bộ các loài thuộc chi <i>Coreoperca</i> trừ <i>C. kawamebari</i>.</p> <p>Theo dự thảo, Nhật Bản sẽ chuyển các đối tượng nêu trên vào nhóm “sinh vật ngoại lai xâm hại” (Invasive Alien Species - IAS). Trước đây Nhật Bản mới chỉ quản lý <i>Lepomis macrochirus</i> thuộc chi <i>Lepomis</i> ở nhóm IAS, trong khi các loài khác thuộc họ <i>Centrarchidae</i> chủ yếu thuộc diện sinh vật cần kèm giấy chứng nhận khi nhập khẩu để xác minh loài. Dự thảo mới mở rộng phạm vi IAS đối với toàn bộ chi <i>Lepomis</i> và các sinh vật lai trong chi này.</p> <p>Đối với họ <i>Percichthyidae</i>, dự thảo bổ sung <i>Maccullochella peelii</i> và <i>Macquaria ambigua</i> vào nhóm IAS. Trước đó, các loài thuộc chi <i>Maccullochella</i>, trừ <i>Maccullochella peelii</i>, và các loài thuộc chi <i>Macquaria</i>, trừ <i>Macquaria ambigua</i>, đã thuộc diện sinh vật ngoại lai chưa được đánh giá đầy đủ; đồng thời toàn bộ các loài thuộc các chi này thuộc diện phải có chứng nhận khi nhập khẩu để xác minh loài.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Đối với họ <i>Sinipercidae</i>, Nhật Bản bổ sung toàn bộ các loài thuộc chi <i>Coreoperca</i> trừ <i>C. kawamebari</i>, vào nhóm IAS. Đồng thời, danh mục sau sửa đổi điều chỉnh nhóm sinh vật cần kèm giấy chứng nhận khi nhập khẩu, theo hướng bao gồm các loài thuộc chi <i>Coreoperca</i> và <i>Siniperca</i> để phục vụ xác minh chính xác loài khi nhập khẩu.</p> <p>Quy định dự kiến có hiệu lực sau 06 tháng kể từ ngày công bố.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 11/8/2026.</p>
5	G/SPS/N/UKR/271	CNTY	U-crai-na	11/6/2026	<p>U-crai-na dự thảo nghị quyết phê duyệt các mẫu chứng từ sử dụng trong kiểm soát nhập khẩu đối với một số hàng hóa thuộc diện kiểm soát nhà nước.</p>	<p>U-crai-na dự thảo nghị quyết phê duyệt các mẫu chứng từ sử dụng trong kiểm soát nhập khẩu đối với một số hàng hóa thuộc diện kiểm soát nhà nước, gồm: mẫu chứng từ thú y chung đối với động vật sống nhập khẩu (CVED-A), mẫu chứng từ thú y chung đối với sản phẩm nhập khẩu (CVED-P) và mẫu chứng từ nhập khẩu chung đối với thực phẩm, thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc phi động vật thuộc diện áp dụng mức độ kiểm soát nhà nước tăng cường.</p> <p>Dự thảo đồng thời dự kiến bãi bỏ Nghị quyết số 570 ngày 18/7/2018 của Nội các Bộ trưởng U-crai-na về việc phê duyệt các mẫu chứng từ nhập khẩu tương ứng khi nghị quyết mới này có hiệu lực.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 10/8/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
6	G/SPS/N/BRA/2495	TTBVTV	Bra-xin	11/6/2026	Bra-xin dự thảo cập nhật yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với nhập khẩu hom giống/cành giâm và thiết lập yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với cây con nuôi cấy in vitro của hoa triệu chuông ( <i>Calibrachoa</i> spp.) từ mọi nguồn gốc.	<p>Bra-xin dự thảo cập nhật yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với nhập khẩu hom giống/cành giâm và thiết lập yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với cây con nuôi cấy in vitro của hoa triệu chuông (<i>Calibrachoa</i> spp.) từ mọi nguồn gốc. Theo đó, các lô hàng hom giống/cành giâm và cây con nuôi cấy in vitro của <i>Calibrachoa</i> spp. khi nhập khẩu vào Bra-xin phải kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do Cơ quan Bảo vệ thực vật quốc gia của nước xuất xứ cấp. Giấy chứng nhận phải có khai báo bổ sung xác nhận lô hàng không nhiễm <i>Pospiviroid fusituberis</i> và <i>Tobamovirus maculacapsici</i>, căn cứ kết quả phân tích của phòng thử nghiệm chính thức.</p> <p>Căn cứ tình trạng sinh vật gây hại, nước xuất xứ có thể sử dụng khai báo thay thế về việc sinh vật gây hại là dịch hại kiểm dịch vắng mặt hoặc không hiện diện tại nước xuất xứ. Tuy nhiên, nội dung khai báo thay thế phải được thông báo trước và được Cơ quan Bảo vệ thực vật quốc gia của Bra-xin chấp thuận trước khi sử dụng trên Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật.</p> <p>Lô hàng nhập khẩu phải kiểm tra kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu và có thể bị lấy mẫu để phân tích tại phòng thử nghiệm chính thức hoặc phòng thử nghiệm được Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi Bra-xin công nhận. Chi phí gửi mẫu và phân tích do bên liên quan chịu. Trường hợp phát hiện sinh vật gây hại kiểm dịch hoặc sinh vật có tiềm năng kiểm dịch đối với Bra-xin, lô hàng sẽ bị tiêu hủy hoặc tái xuất, đồng thời Cơ quan Bảo vệ thực vật quốc gia của nước xuất xứ sẽ được thông báo.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Bra-xin cũng có thể tạm dừng nhập khẩu hom giống/cành giâm và cây con nuôi cấy in vitro của <i>Calibrachoa</i> spp. cho đến khi hoàn tất rà soát phân tích nguy cơ dịch hại. Thời hạn góp ý trước ngày 10/8/2026.
7	G/SPS/N/ISR/14	ATTP	I-xra-en	08/6/2026	I-xra-en ban hành quy định sửa đổi lần 2 về phụ gia thực phẩm	I-xra-en ban hành quy định sửa đổi lần 2 về phụ gia thực phẩm. Theo đó, cập nhật điều kiện sử dụng một số phụ gia thực phẩm, trên cơ sở áp dụng các thay đổi của Liên minh châu Âu đối với Quy định (EC) số 1333/2008 vào pháp luật I-xra-en, cụ thể: - Cập nhật Quy định (EU) 2025/2058 ngày 14/10/2025 đối với thực phẩm dùng cho mục đích dinh dưỡng đặc biệt, bao gồm sửa đổi một số nội dung tại Phụ lục II và Phụ lục III của Quy định (EC) số 1333/2008, như thực phẩm cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, mì khô, caseinat dùng làm thực phẩm và advantame. - Bổ sung điều kiện sử dụng axit sorbic (E 200) và kali sorbat (E 202) trong các sản phẩm mousse có nguồn gốc thực vật không qua xử lý nhiệt, theo Quy định (EU) 2025/2060; - Sửa đổi điều kiện sử dụng chiết xuất Quillaia (E 999) trong một số nhóm thực phẩm và tại Phụ lục III của Quy định (EC) số 1333/2008, theo Quy định (EU) 2025/2084. Văn bản được công bố trên Công báo I-xra-en ngày 21/4/2026 và có hiệu lực từ ngày 04/5/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 07/8/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
8	G/SPS/N/ISR/13	ATTP	I-xra-en	08/6/2026	I-xra-en dự thảo quy định cập nhật thông số kỹ thuật đối với phụ gia thực phẩm chiết xuất Quillaia (E 999).	<p>I-xra-en dự thảo quy định cập nhật thông số kỹ thuật đối với phụ gia thực phẩm chiết xuất Quillaia (E 999). Trong đó, dự thảo cập nhật thông số kỹ thuật đối với phụ gia thực phẩm chiết xuất Quillaia (E 999), trên cơ sở Quy định của Ủy ban châu Âu (EU) 2025/2084 ngày 17/10/2025, thay thế nội dung tham chiếu đối với chiết xuất Quillaia (E 999) trong Phụ lục của Quy định (EU) số 231/2012.</p> <p>Theo tài liệu kèm theo, thay đổi của EU đối với nội dung này có hiệu lực từ ngày 09/5/2026; I-xra-en dự kiến áp dụng cập nhật tương ứng từ ngày 01/7/2026.</p> <p>Dự thảo được công bố ngày 21/4/2026; dự kiến được thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 07/8/2026.</p>
9	G/SPS/N/CHL/887	CNTY	Chi-lê	08/6/2026	Chi-lê thông báo dự thảo quy định về nhập khẩu mẫu sản phẩm có nguồn gốc động vật hoặc sản phẩm dùng cho động vật, không phục vụ mục đích thương mại.	<p>Chi-lê thông báo dự thảo quy định về nhập khẩu mẫu sản phẩm có nguồn gốc động vật hoặc sản phẩm dùng cho động vật, không phục vụ mục đích thương mại. Áp dụng đối với các mẫu/sản phẩm nhập khẩu phục vụ mục đích quảng bá, giới thiệu, dùng thử, nghiên cứu, thử nghiệm, phân tích phòng thí nghiệm, thử nghiệm thực địa, trình diễn; thuốc thú y dùng để nộp kèm hồ sơ đăng ký sản phẩm hoặc sử dụng trong trường hợp sản phẩm chưa được đăng ký tại Chi-lê; và các trường hợp khác được SAG đánh giá riêng lẻ nếu chứng minh tính chất phi thương mại.</p> <p>Dự thảo dự kiến này thay thế Nghị quyết SAG số 4.467 năm 2018.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Theo dự thảo, việc nhập khẩu các mẫu/sản phẩm nêu trên phải được SAG đánh giá rủi ro và cấp giấy phép nhập khẩu chăn nuôi. Hồ sơ được nộp qua hệ thống chính thức do SAG xác định, kèm theo tài liệu phù hợp với từng loại mẫu hoặc sản phẩm. SAG sẽ trả lời trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán phí. Kết quả đánh giá có thể là chấp thuận, từ chối hoặc không thuộc phạm vi áp dụng; việc chấp thuận hoặc từ chối được chính thức hóa bằng nghị quyết của SAG.</p> <p>Giấy phép nhập khẩu chăn nuôi có hiệu lực 60 ngày theo lịch kể từ ngày cấp và chỉ sử dụng một lần. Trường hợp đặc biệt, SAG có thể cấp giấy phép mở rộng để cho phép nhập khẩu nhiều lần trong thời hạn cụ thể. Giấy phép này không miễn trừ việc tuân thủ các quy định khác có liên quan như quy định về nông nghiệp, CITES, Luật Săn bắt, quy định đối với động vật ngoại lai và sản phẩm hữu cơ.</p> <p>Dự thảo đồng thời quy định các mẫu/sản phẩm chỉ được sử dụng đúng mục đích đã nêu trong giấy phép; nghiêm cấm bán, thương mại hóa hoặc sử dụng cho mục đích khác. Phần mẫu/sản phẩm còn dư phải được tiêu hủy, tiệt trùng hoặc loại bỏ/xử lý theo phương pháp đã nêu trong hồ sơ và được SAG chấp thuận. Một số sản phẩm được miễn giấy phép nhập khẩu chăn nuôi, như axit nucleic tinh sạch, kháng thể tinh sạch, enzyme, môi trường nuôi cấy, dòng tế bào, mô cố định trong formalin, lát cắt mô học cố định, trypsin và các sản phẩm do SAG yêu cầu phục vụ thử nghiệm hoặc hoạt động chính thức. Dự kiến quy định được công bố trên Công báo Chi-lê</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>khoảng 80 ngày kể từ ngày phát hành thông báo và có hiệu lực kể từ ngày công bố. Thời hạn góp ý trước ngày 07/8/2026.</p>
10	G/SPS/N/UKR/270	ATTP	U-crai-na	04/6/2026	<p>U-crai-na dự thảo quy định về việc phê duyệt yêu cầu đối với thành phần của thực phẩm dùng cho mục đích y tế đặc biệt.</p>	<p>U-crai-na dự thảo quy định về việc phê duyệt yêu cầu đối với thành phần của thực phẩm dùng cho mục đích y tế đặc biệt. Dự thảo quy định các yêu cầu bắt buộc về thành phần đối với nhóm thực phẩm này, gồm 03 loại chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực phẩm hoàn chỉnh về dinh dưỡng với công thức dinh dưỡng tiêu chuẩn, có thể dùng làm nguồn dinh dưỡng duy nhất;</li> <li>- Thực phẩm hoàn chỉnh về dinh dưỡng với công thức dinh dưỡng được điều chỉnh phù hợp với bệnh, rối loạn hoặc tình trạng y tế, cũng có thể dùng làm nguồn dinh dưỡng duy nhất;</li> <li>- Thực phẩm không hoàn chỉnh về dinh dưỡng, có công thức tiêu chuẩn hoặc được điều chỉnh, nhưng không phù hợp để dùng làm nguồn dinh dưỡng duy nhất.</li> </ul> <p>Đồng thời quy định danh mục các chất được phép sử dụng trong sản xuất, gồm vitamin, khoáng chất, axit amin, carnitine, taurine, nucleotide; kèm mức tối thiểu và tối đa đối với vitamin, khoáng chất cho sản phẩm dành cho trẻ sơ sinh và sản phẩm không dành cho trẻ sơ sinh.</p> <p>Đối với thực phẩm dùng cho mục đích y tế đặc biệt dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, dự thảo quy định mức dư lượng tối đa của mỗi hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật không vượt quá 0,01 mg/kg, trừ một số hoạt chất được áp dụng mức giới hạn riêng.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Sản phẩm cũng chỉ được sản xuất từ nguyên liệu mà trong khâu sản xuất ban đầu không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chứa các hoạt chất thuộc danh mục cấm. Việc không sử dụng các hoạt chất này được xác định khi dư lượng không phát hiện ở mức 0,003 mg/kg hoặc thấp hơn. Ngoài ra, dự thảo quy định yêu cầu về thông tin sản phẩm, ghi nhãn, trình bày và quảng cáo, trong đó yêu cầu nêu rõ sản phẩm chỉ được sử dụng dưới sự giám sát y tế, có thể hoặc không thể dùng làm nguồn dinh dưỡng duy nhất, đối tượng sử dụng, cảnh báo an toàn và hướng dẫn sử dụng. Dự thảo cũng cấm sử dụng các tuyên bố về dinh dưỡng và sức khỏe đối với thực phẩm dùng cho mục đích y tế đặc biệt.</p> <p>Dự thảo chưa xác định ngày thông qua và ngày công bố. Thời điểm có hiệu lực dự kiến là 03 tháng kể từ ngày công bố chính thức.</p> <p>Thời hạn góp ý là 20 ngày kể từ ngày thông báo.</p>
11	G/SPS/N/UGA/489	TTBVTV	Cộng hòa U-gan-đa	03/6/2026	Cộng hòa U-gan-đa dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia DUS 1862:2026 quy định yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với than sinh học (biochar).	<p>Cộng hòa U-gan-đa dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia DUS 1862:2026 quy định yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với than sinh học (biochar). Tiêu chuẩn áp dụng cho than sinh học sản xuất từ sinh khối thông qua quá trình chuyển hóa nhiệt hóa như nhiệt phân hoặc khí hóa trong điều kiện hạn chế oxy.</p> <p>Dự thảo quy định phạm vi áp dụng, thuật ngữ, yêu cầu về nguyên liệu thô, yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể, điều kiện vệ sinh, giới hạn vi sinh vật, chất ô nhiễm, yêu cầu về đo lường, bao gói, ghi nhãn và phương pháp lấy mẫu.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Theo dự thảo, sản phẩm được phân loại theo kích thước hạt, gồm dạng bột dưới 1 mm, dạng hạt từ 1–10 mm và dạng thô trên 10 mm; đồng thời được phân loại theo 3 cấp chất lượng là Cấp A, Cấp B và Cấp C. Các chỉ tiêu được quy định bao gồm pH, độ ẩm, khối lượng thể tích, độ dẫn điện, carbon hữu cơ, tỷ lệ O/Corg, chất bay hơi, tro tổng số, dung lượng trao đổi cation (CEC), tạp chất ngoại lai và các hợp chất ô nhiễm như PAH, PCB, dioxin/furan.</p> <p>Đối với nguyên liệu, dự thảo cho phép sử dụng phế phụ phẩm cây trồng, vỏ cà phê, vỏ ca cao, phụ phẩm lâm nghiệp, gỗ chưa xử lý, vỏ dừa, phụ phẩm cọ và phân động vật; đồng thời không cho phép sử dụng nhựa, vật liệu tổng hợp, gỗ đã xử lý hoặc sơn phủ, chất thải rắn đô thị, bùn thải công nghiệp, chất thải nguy hại hoặc nguyên liệu bị ô nhiễm. Giới hạn kim loại nặng phải tuân thủ mức tối đa đối với asen 20 mg/kg, chì 125 mg/kg, thủy ngân 1 mg/kg và cadimi 1,5 mg/kg.</p> <p>Về chỉ tiêu vi sinh, sản phẩm phải đáp ứng giới hạn tối đa đối với tổng số vi sinh vật hiếu khí là <math>10^4</math> cfu/ml, nấm men và nấm mốc là <math>10^3</math> cfu/ml, Escherichia coli là <math>10^3</math> cfu/ml; Salmonella spp. không được có trong 25 ml mẫu thử. Sản phẩm phải được sản xuất, xử lý trong điều kiện vệ sinh phù hợp với Thực hành sản xuất tốt (GMP) và Thực hành nông nghiệp tốt (GAP), được bao gói bằng vật liệu bảo đảm duy trì tính toàn vẹn và chất lượng sản phẩm, không dễ rách trong quá trình xử lý, vận chuyển và bảo quản. Nhãn sản phẩm phải được thể hiện rõ ràng, không tẩy xóa bằng tiếng Anh, gồm các thông tin bắt buộc như tên sản phẩm, nguyên liệu sử dụng, tên và địa chỉ của nhà sản</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>xuất, xuất khẩu, đóng gói hoặc phân phối, số lô, mục đích sử dụng, hướng dẫn bảo quản, hướng dẫn tiêu hủy, ngày sản xuất, hạn sử dụng, khối lượng tịnh, hàm lượng dinh dưỡng, số đăng ký sản phẩm, tỷ lệ sử dụng, hướng dẫn sử dụng, xuất xứ và cảnh báo rủi ro an toàn.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 02/8/2026.</p> <p>Dự thảo tiêu chuẩn đồng thời được thông báo theo khuôn khổ Ủy ban TBT của WTO.</p>
12	G/SPS/N/AUS/597/Add.1	TSKN, CNTY	Ô-xtrây-li-a	03/6/2026	Ô-xtrây-li-a dự thảo báo cáo rà soát sửa đổi về chính sách nhập khẩu cá cảnh biển sống để lấy ý kiến.	<p>Ô-xtrây-li-a dự thảo báo cáo rà soát sửa đổi về chính sách nhập khẩu cá cảnh biển sống để lấy ý kiến. Dự thảo đánh giá rủi ro đối với các tác nhân gây bệnh liên quan đến việc nhập khẩu các loài cá cảnh biển sống thuộc Danh mục được phép nhập khẩu trên hệ thống BICON.</p> <p>Theo dự thảo, Ô-xtrây-li-a đề xuất cho phép nhập khẩu cá cảnh biển sống có nguồn gốc từ cả quần thể nuôi sinh sản và quần thể tự nhiên, với điều kiện đáp ứng các biện pháp an toàn sinh học liên quan. Các biện pháp này được xây dựng trên cơ sở đánh giá rủi ro, phù hợp với quyền và nghĩa vụ quốc tế của Ô-xtrây-li-a, đồng thời cần thiết để bảo vệ sức khỏe thủy sản trong nước.</p> <p>Thông báo này cập nhật nội dung/phạm vi của dự thảo đã thông báo trước đó và gia hạn thời hạn góp ý đến ngày 03/8/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
13	G/SPS/N/UKR/269	TTBVTV	U-crai-na	03/6/2026	U-crai-na dự thảo về việc sửa đổi các Phương pháp kiểm tra, xem xét, lấy mẫu, và thực hiện giám định kiểm dịch thực vật.	<p>U-crai-na dự thảo về việc sửa đổi các Phương pháp kiểm tra, xem xét, lấy mẫu, và thực hiện giám định kiểm dịch thực vật. Dự thảo áp dụng đối với thực vật và các vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khi lưu thông trong lãnh thổ U-crai-na, cũng như hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu hoặc tái xuất.</p> <p>Theo đó, dự thảo làm rõ một số quy định và thuật ngữ; bổ sung hướng dẫn về việc xác định lô hàng và đánh giá tính đồng nhất của lô hàng; yêu cầu ghi rõ khối lượng lô hàng trong chứng từ kiểm dịch thực vật; cập nhật tỷ lệ lấy mẫu đối với gỗ, sản phẩm gỗ, vật liệu bao gói bằng gỗ, cây cảnh, hạt giống và các vật thể thuộc diện kiểm dịch khác.</p> <p>Đồng thời quy định về lấy mẫu đối với cây kích thước lớn và cây cảnh trồng trong chậu; làm rõ yêu cầu kỹ thuật và việc điều chỉnh thiết bị lấy mẫu tự động; cập nhật phụ lục, trong đó có bảng quy định cỡ mẫu đối với các vật thể thuộc diện giám định kiểm dịch thực vật; quy định rõ phương pháp giám định kiểm dịch thực vật và quy trình áp dụng.</p> <p>Thời hạn góp ý là 30 ngày kể từ ngày lưu hành thông báo.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
14	G/SPS/N/UKR/265/Add.1	TTBVTV	U-crai-na	02/6/2026	U-crai-na thông báo bổ sung toàn văn dự thảo Nghị quyết về sửa đổi một số nghị quyết liên quan đến hoạt động kiểm tra trong lĩnh vực kiểm dịch thực vật.	<p>U-crai-na thông báo bổ sung toàn văn dự thảo Nghị quyết về sửa đổi một số nghị quyết liên quan đến hoạt động kiểm tra trong lĩnh vực kiểm dịch thực vật. Dự thảo này đã được thông báo trước đó theo mã G/SPS/N/UKR/265, tuy nhiên toàn văn dự thảo chưa được đính kèm trong hồ sơ thông báo gốc do sơ suất kỹ thuật.</p> <p>U-crai-na xác nhận tài liệu gửi kèm tại Thông báo bổ sung này đúng với dự thảo đã thông báo theo mã G/SPS/N/UKR/265 và không có thay đổi về nội dung.</p>
15	G/SPS/N/NIC/81/Add.1	TTBVTV, CCPT	Cộng hòa Ni-ca-ra-go	01/6/2026	Cộng hòa Ni-ca-ra-go dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc NTON 11 043-13 về sản xuất bền vững đối với cây cọ dầu ( <i>Elaeis spp.</i> ).	<p>Cộng hòa Ni-ca-ra-go dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc NTON 11 043-13 về sản xuất bền vững đối với cây cọ dầu (<i>Elaeis spp.</i>). Quy chuẩn NTON 11 043-13 đã được phê duyệt năm 2015 và đăng trên Công báo La Gaceta số 127 ngày 08/7/2015.</p> <p>Theo đó nội dung sửa đổi, bổ sung tập trung vào hệ thống truy xuất nguồn gốc chính thức đối với chuỗi sản xuất, chế biến, vận chuyển và thương mại hóa sản phẩm, phụ phẩm từ cây cọ dầu.</p> <p>Phạm vi áp dụng của quy chuẩn được mở rộng từ hoạt động trồng, quản lý, khai thác hoặc thử nghiệm cây cọ dầu sang toàn bộ chuỗi, bao gồm sản xuất sơ cấp, thu gom, chế biến, vận chuyển, thương mại hóa, xuất khẩu và nhập khẩu sản phẩm, phụ phẩm từ cây cọ dầu. Các chủ thể liên quan trong chuỗi phải đăng ký thông tin về người sản xuất, cơ sở, phương tiện vận chuyển, đơn vị thu gom, thương mại hóa, xuất khẩu, nhập khẩu và các tác nhân khác trong Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông nghiệp chính thức của Viện Bảo vệ và Sức khỏe Nông nghiệp Ni-ca-ra-go (IPSA) thông qua hệ thống</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>TRAZAR-AGRO. Việc vận chuyển sản phẩm phải sử dụng Giấy hướng dẫn vận chuyển và kiểm soát vệ sinh duy nhất (GUIASA) để xác định nguồn gốc, điểm đến, loại sản phẩm, lô hàng, số lượng, ngày xử lý và thông tin phương tiện vận chuyển.</p> <p>Dự thảo cũng quy định không đăng ký và không cấp Mã số cơ sở duy nhất (CUE) đối với các cơ sở nằm trong khu vực bảo tồn theo pháp luật môi trường quốc gia.</p> <p>Thời hạn góp ý 30 ngày kể từ ngày lưu hành thông báo.</p>
16	G/SPS/N/SLV/150/Add.1	CNTY, CCPT, TTBVTV, ATTP, BCT	Ên Xan-va-đo	01/6/2026	Ên Xan-va-đo thông báo gia hạn thời hạn lấy ý kiến đối với dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật Salvador RTS 13.05.02:26 về nước thải loại đặc biệt xả vào hệ thống thoát nước vệ sinh của Cơ quan Quản lý hệ thống cấp nước và thoát nước quốc gia El Salvador (ANDA).	<p>Ên Xan-va-đo thông báo gia hạn thời hạn lấy ý kiến đối với dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật Salvador RTS 13.05.02:26 về nước thải loại đặc biệt xả vào hệ thống thoát nước vệ sinh của Cơ quan Quản lý hệ thống cấp nước và thoát nước quốc gia Ên Xan-va-đo (ANDA), theo đó thời hạn góp ý được gia hạn từ ngày 29/5/2026 đến ngày 30/6/2026 (Dự thảo quy chuẩn này đã được Ên Xan-va-đo thông báo ngày 27/3/2026 theo mã G/SPS/N/SLV/150).</p> <p>Quy chuẩn áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân thuộc khu vực công hoặc tư nhân có hoạt động, công trình hoặc dự án phát sinh nước thải loại đặc biệt xả trực tiếp hoặc gián tiếp vào các hệ thống thoát nước nêu trên lãnh thổ Ên Xan-va-đo.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
17	G/SPS/N/USA/3440/Add.1	ATTP	Hoa Kỳ	01/6/2026	<p>Hoa Kỳ thông báo mở lại thời hạn lấy ý kiến đối với hồ sơ kiến nghị (đã được công bố trên Công báo Liên bang ngày 11/01/2024) về việc đề xuất sửa đổi các quy định đối với chất phụ gia tạo màu.</p>	<p>Hoa Kỳ thông báo mở lại thời hạn lấy ý kiến đối với hồ sơ kiến nghị (đã được công bố trên Công báo Liên bang ngày 11/01/2024) về việc đề xuất sửa đổi các quy định đối với phụ gia tạo màu theo đó xem xét loại bỏ 3 loại dung môi được chỉ định bao gồm: Ethylene Dichloride, Methylene Chloride và Trichloroethylene khỏi Phần 73 thuộc Tiêu đề 21 Bộ Quy định Liên bang Hoa Kỳ (21 CFR Part 73).</p> <p>Việc mở lại thời hạn lấy ý kiến tạo điều kiện cho các bên liên quan bổ sung các dữ liệu cập nhật, các thông tin khác trong vòng 2 năm qua và đóng góp ý kiến về vấn đề thực tiễn đối với nhà sản xuất thực phẩm khi loại bỏ dần các dung môi này.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 29/6/2026.</p>
18	G/SPS/N/USA/3439/Add.1	ATTP	Hoa Kỳ	01/6/2026	<p>Hoa Kỳ thông báo mở lại thời hạn lấy ý kiến đối với hồ sơ kiến nghị (đã được công bố trên Công báo Liên bang ngày 11/01/2024) về việc đề xuất sửa đổi các quy định đối với phụ gia thực phẩm.</p>	<p>Hoa Kỳ thông báo mở lại thời hạn lấy ý kiến đối với hồ sơ kiến nghị (đã được công bố trên Công báo Liên bang ngày 11/01/2024) về việc đề xuất sửa đổi các quy định đối với phụ gia thực phẩm, theo đó xem xét loại bỏ 4 loại dung môi được chỉ định bao gồm: Benzene, Ethylene Dichloride, Methylene Chloride và Trichloroethylene khỏi Phần 172 và Phần 173 thuộc Tiêu đề 21 Bộ Quy định Liên bang Hoa Kỳ (21 CFR Parts 172 and 173).</p> <p>Việc mở lại thời hạn lấy ý kiến tạo điều kiện cho các bên liên quan bổ sung các dữ liệu cập nhật và các thông tin khác trong vòng 2 năm qua và đóng góp ý kiến về vấn đề thực tiễn đối với nhà sản xuất thực phẩm khi loại bỏ dần các dung môi này.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 29/6/2026.</p>

## 2. Danh sách quy định có hiệu lực

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/USA/3574	TTBVTV	Hoa Kỳ	15/6/2026	Hoa Kỳ ban hành quy định cuối cùng về mức dư lượng đối với hoạt chất pydiflumetofen trên mặt hàng mía, thân cây mía (sugarcane, cane).	<p>Hoa Kỳ ban hành quy định cuối cùng về mức dư lượng đối với hoạt chất pydiflumetofen trên mặt hàng mía, thân cây mía (sugarcane, cane).</p> <p>Cụ thể quy định mức dư lượng tối đa cho phép đối với pydiflumetofen (CASRN 1228284-64-7) trên mía, thân cây mía ở mức 0,05 ppm. Quy định được ban hành theo Đạo luật Liên bang về Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm của Hoa Kỳ (FFDCA), trên cơ sở kiến nghị của Syngenta Crop Protection, LLC.</p> <p>EPA cho biết đã rà soát dữ liệu khoa học hiện có, đánh giá rủi ro phơi nhiễm tổng hợp từ thực phẩm, nước uống và các nguồn phơi nhiễm liên quan, đồng thời kết luận mức dư lượng nêu trên đáp ứng tiêu chuẩn an toàn, kể cả đối với trẻ sơ sinh và trẻ em. Về tiêu chuẩn quốc tế liên quan, Codex hiện chưa quy định mức dư lượng tối đa tương ứng đối với pydiflumetofen trên mía, thân cây mía.</p> <p>Quy định được thông qua, công bố và có hiệu lực từ ngày 15/6/2026. Thời hạn gửi phản đối hoặc yêu cầu điều trần trước ngày 14/8/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
2	G/SPS/N/KOR/847	TTBVTV	Hàn Quốc	12/6/2026	Hàn Quốc ban hành quy định sửa đổi biện pháp kiểm dịch thực vật đối với hạt giống để gieo trồng và phân hoa dùng cho thụ phấn nhập khẩu không kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật.	<p>Hàn Quốc ban hành quy định sửa đổi biện pháp kiểm dịch thực vật đối với hạt giống để gieo trồng và phân hoa dùng cho thụ phấn nhập khẩu không kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật.</p> <p>Trước đây, Hàn Quốc cho phép nhập khẩu số lượng nhỏ hạt giống để gieo trồng và phân hoa dùng cho thụ phấn qua hành lý xách tay, bưu điện, dịch vụ chuyển phát nhanh hoặc hàng hóa gia đình mà không cần kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, nếu được phê duyệt trước. Do liên tục phát hiện sinh vật biến đổi gen chưa được cấp phép (LMOs) và dịch hại kiểm dịch trong hạt giống nhập khẩu qua bưu điện và hành lý xách tay, Hàn Quốc sửa đổi quy định để quản lý rủi ro kiểm dịch thực vật.</p> <p>Theo quy định mới, từ ngày 05/9/2026, tất cả các lô hạt giống để gieo trồng và phân hoa dùng cho thụ phấn nhập khẩu vào Hàn Quốc phải kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan bảo vệ thực vật quốc gia (NPPO) của nước xuất khẩu cấp, không phân biệt số lượng hay phương thức vận chuyển.</p> <p>Quy định mới vẫn duy trì cơ chế miễn kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, nếu được phê duyệt trước, đối với một số nhóm vật liệu nhân giống khác dưới hạn mức nhất định, gồm: giống nấm không quá 10 đơn vị; khoai tây/khoai lang không quá 20 củ; các loại củ giống khác không quá 100 củ; và bào tử không quá 100 g.</p>
						<p>Trường hợp hồ sơ đề nghị miễn kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với hạt giống và phân hoa đã được nộp hoặc được phê duyệt trước thời điểm quy định mới có hiệu lực thì tiếp tục áp dụng theo quy định cũ.</p> <p>Quy định được ban hành và công bố ngày 04/6/2026, có hiệu lực từ ngày 05/9/2026.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 11/8/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
3	G/SPS/N/BRA/2474/Add.1	TTBVTV, LNKL	Bra-xin	12/6/2026	Bra-xin ban hành Hướng dẫn quy phạm ANVISA số 449 về việc cập nhật 24 chuyên luận trong Danh mục chuyên luận hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ.	<p>Bra-xin ban hành Hướng dẫn quy phạm ANVISA số 449 về việc cập nhật 24 chuyên luận trong Danh mục chuyên luận hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ.</p> <p>Trong đó, một số nội dung cập nhật đáng chú ý gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- B41 - BOSCALID: thay đổi MRL đối với đậu nành thành 0,1 mg/kg, cà chua thành 3 mg/kg và nho thành 6 mg/kg; đồng thời bổ sung định nghĩa dư lượng phục vụ kiểm soát tuân thủ MRL và đánh giá nguy cơ qua chế độ ăn theo JMPR 2006.</li> <li>- C63 - LAMBDA-CYHALOTHRIN: bổ sung quinoa với MRL 0,05 mg/kg và thời gian cách ly (IS) 21 ngày đối với phương thức phun qua lá; đồng thời điều chỉnh MRL của tỏi thành 0,05 mg/kg và IS thành 3 ngày.</li> <li>- C70 - CHLORANTRANILIPROLE: điều chỉnh IS đối với tỏi, hành tây và hành họ thành 3 ngày; điều chỉnh IS đối với mía thành 30 ngày; đồng thời bổ sung quinoa với MRL 0,02 mg/kg, IS 21 ngày và kiều mạch/tam giác mạch với MRL 0,09 mg/kg, IS 7 ngày, đều áp dụng theo phương thức phun qua lá.</li> <li>- D36 - DIFENOCONAZOLE: điều chỉnh IS thành 3 ngày đối với nhóm rau gồm cải cầu vồng, cải xoong, xà</li> </ul>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>lách, rau diếp đắng, rau diếp xoăn, cải bó xôi, củ ngọt, cải mù tạt và cải rucola. Đồng thời, điều chỉnh MRL đối với nhóm dứa, họ na, ca cao, cupuaçu, guaraná, vải, đu đủ, xoài, chanh dây, hạt hồ đào, thanh long và lựu thành 0,5 mg/kg; riêng bí ngô, bí ngòi, su su, maxixe và dưa chuột có MRL 0,2 mg/kg.</p> <p>- E29 - ETIPROLE: điều chỉnh MRL đối với lúa thành 1 mg/kg và IS thành 14 ngày.- F68 - FLUXAPYROXAD: điều chỉnh MRL đối với đậu thành 0,15 mg/kg và đậu nành thành 0,1 mg/kg.</p> <p>- P13 - PROFENOFOS: điều chỉnh MRL đối với cây có mùi thành 0,5 mg/kg, cà phê thành 0,2 mg/kg, nhóm tỏi, hành tây và hành hẹ thành 0,06 mg/kg; nhóm củ, rễ gồm khoai lang, khoai yacon, củ cải đường, khoai mỡ, cà rốt, gừng, khoai từ, sắn, mandioquinha-salsa, củ cải turnip và củ cải radish thành 0,6 mg/kg. Đồng thời, bổ sung quinoa với MRL 0,6 mg/kg và kiều mạch/tam giác mạch với MRL 0,1 mg/kg; cả hai có IS 14 ngày và áp dụng theo phương thức phun qua lá.</p> <p>- P34 - PYRIPROXYFEN: bổ sung gừng vào danh mục cây trồng được phép áp dụng theo phương thức phun qua lá, với MRL 0,01 mg/kg và IS 7 ngày.</p> <p>Văn bản được ban hành ngày 02/6/2026, công bố trên Công báo Bra-xin ngày 08/6/2026 và có hiệu lực kể từ ngày công bố.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 11/8/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
4	G/SPS/N/JPN/1413/Add.1	CNTY	Nhật Bản	12/6/2026	<p>Nhật Bản sửa đổi Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm gia súc, văn bản hướng dẫn thi hành Luật và Hướng dẫn cụ thể về phòng, chống bệnh Dịch tả lợn cổ điển (CSF).</p>	<p>Nhật Bản sửa đổi Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm gia súc, văn bản hướng dẫn thi hành Luật và Hướng dẫn cụ thể về phòng, chống bệnh Dịch tả lợn cổ điển (CSF).</p> <p>Theo đó, sửa đổi cơ chế xử lý đối với lợn mắc bệnh hoặc nghi mắc bệnh CSF. Cụ thể, quy định mới phân biệt cách xử lý giữa khu vực đã tiêm phòng và khu vực chưa tiêm phòng: tại khu vực đã tiêm phòng, Nhật Bản có cơ sở áp dụng tiêu hủy có chọn lọc đối với những trường hợp cần thiết, thay vì mặc nhiên tiêu hủy toàn đàn; trong khi tại khu vực chưa tiêm phòng hoặc khu vực có nguy cơ cao, cơ quan có thẩm quyền vẫn có thể yêu cầu tiêu hủy bắt buộc để ngăn chặn dịch lây lan. Trường hợp chủ nuôi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ biện pháp được yêu cầu, cán bộ phòng dịch gia súc có thể thực hiện việc tiêu hủy theo quy định.</p> <p>Bên cạnh đó, bổ sung bệnh Viêm da nổi cục trên bò vào danh mục bệnh truyền nhiễm gia súc thuộc diện kiểm soát; đồng thời bổ sung cơ chế đăng ký “người quản lý vệ sinh chăn nuôi”, cho phép nhân sự đáp ứng điều kiện đào tạo, đăng ký và quản lý theo quy định được tham gia tiêm phòng vắc-xin CSF trong phạm vi trang trại, dưới sự chỉ đạo/giám sát của cán bộ phòng dịch gia súc.</p> <p>Văn bản sửa đổi có hiệu lực từ 19/5/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
5	G/SPS/N/AUS/630/Add.2	CCPT, CNTY	Ô-xtrây-li-a	11/6/2026	Ô-xtrây-li-a thông báo cập nhật các mẫu chứng nhận vệ sinh và chứng nhận Halal của Chính phủ Ô-xtrây-li-a sử dụng cho xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt dùng làm thực phẩm từ Ô-xtrây-li-a.	<p>Ô-xtrây-li-a thông báo cập nhật các mẫu chứng nhận vệ sinh và chứng nhận Halal của Chính phủ Ô-xtrây-li-a sử dụng cho xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt dùng làm thực phẩm từ Ô-xtrây-li-a, trong bối cảnh nước này chuyển đổi từ Hệ thống chứng từ xuất khẩu hiện hành (EXDOC) sang Hệ thống chứng từ xuất khẩu mới (NEXDOC).</p> <p>Theo đó, nhóm mặt hàng thịt và sản phẩm thịt dùng làm thực phẩm, bao gồm thịt, nội tạng và sản phẩm thịt có nguồn gốc từ trâu, bò, lạc đà, dê, hươu, cừu, lợn, ngựa, lừa, thú săn hoang dã, thỏ, gia cầm và chim chạy như đà điều emu, đà điều châu Phi, sẽ được chuyển sang sử dụng mẫu chứng nhận xuất khẩu trên hệ thống NEXDOC. Chứng nhận Halal liên quan, nếu có, cũng được chuyển sang hệ thống mới.</p> <p>Nội dung chuyển đổi không làm thay đổi thông tin, điều kiện hoặc nội dung xác nhận đã được thỏa thuận song phương với nước nhập khẩu, cũng như không làm thay đổi cơ chế kiểm soát quản lý của cơ quan có thẩm quyền Ô-xtrây-li-a đối với hàng xuất khẩu. Tuy nhiên, mẫu chứng nhận mới có một số thay đổi nhỏ về định dạng, vị trí thể hiện thông tin và có mã QR riêng để cơ quan biên giới kiểm tra tính xác thực của chứng nhận theo thời gian thực. Hình thức chứng nhận điện tử không bị ảnh hưởng bởi các thay đổi này.</p> <p>Ô-xtrây-li-a dự kiến bắt đầu phát hành mẫu chứng nhận xuất khẩu NEXDOC và chứng nhận Halal đối với thịt và sản phẩm thịt dùng làm thực phẩm từ ngày 06/7/2026.</p>
						<p>Trong giai đoạn chuyển tiếp, cả mẫu chứng nhận EXDOC và NEXDOC sẽ được sử dụng song song để tạo điều kiện cho các lô hàng đang vận chuyển bằng đường hàng không và đường biển đến cảng đích.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
6	G/SPS/N/KOR/846	CNTY	Hàn Quốc	10/6/2026	Hàn Quốc sửa đổi quy định kiểm dịch đối với mật ong và phấn hoa dùng làm thức ăn cho ong.	<p>Hàn Quốc sửa đổi quy định kiểm dịch đối với mật ong và phấn hoa dùng làm thức ăn cho ong. Theo đó, Hàn Quốc bổ sung mật ong, bao gồm sản phẩm có chứa mật ong, và phấn hoa do ong mật tạo ra, bao gồm sản phẩm có chứa phấn hoa, vào danh mục hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật nhập khẩu; đồng thời quy định điều kiện nhập khẩu, phương pháp và tiêu chuẩn kiểm dịch đối với các sản phẩm này. Khi nhập khẩu vào Hàn Quốc, các sản phẩm nêu trên phải kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp. Đối với sản phẩm đã chiếu xạ, việc xử lý phải được thực hiện tại cơ sở được cấp phép/đăng ký tại nước xuất khẩu, bằng tia gamma phát ra từ Co-60 hoặc chùm điện tử không vượt quá 10 MeV, với liều hấp thụ 15 kGy; thông tin về cơ sở chiếu xạ phải được ghi rõ trên Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y và được thông báo trước cho cơ quan kiểm dịch Hàn Quốc.</p> <p>Đối với sản phẩm không chiếu xạ, cơ sở nuôi ong và cơ sở sản xuất phải đáp ứng yêu cầu không phát hiện các loài ve ký sinh nguy hại trong phạm vi bán kính 50 km và không ghi nhận các bệnh trên ong như thối ấu trùng châu Mỹ, thối ấu trùng châu Âu, bệnh Nosema, bệnh ấu trùng vôi, bệnh túi ấu trùng và bệnh tê liệt ong trong phạm vi bán kính 10 km trong thời gian ít nhất 02 năm trước khi thực hiện kiểm dịch xuất khẩu. Sản phẩm không được chứa ấu trùng, nhộng, ong trưởng thành, kẻ</p>
						<p>cả ong chết, hoặc ký sinh trùng của ong; không được tiếp xúc với ong mật sống trong vòng 07 ngày trước khi xếp hàng và phải được đóng gói trong bao bì kín đã khử trùng.</p> <p>Quy định cũng thiết lập yêu cầu kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế và xét nghiệm đối với lô hàng nhập khẩu nhằm phát hiện các tác nhân gây bệnh như thối ấu trùng châu Mỹ, thối ấu trùng châu Âu, ve ký sinh, bệnh ấu trùng đá, bệnh ấu trùng vôi và bệnh túi ấu trùng. Các lô hàng không đáp ứng yêu cầu kiểm dịch có thể bị áp dụng biện pháp tái xuất hoặc tiêu hủy.</p> <p>Quy định có hiệu lực sau 06 tháng kể từ ngày ban hành, dự kiến từ ngày 27/11/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
7	G/SPS/N/EU/957	TTBVT	Liên minh châu Âu	10/6/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/1206 ngày 09/6/2026, sửa đổi Quy định (EU) 2019/1793 về việc tạm thời tăng cường kiểm soát chính thức và áp dụng các biện pháp khẩn cấp đối với một số hàng hóa nhập khẩu từ một số nước thứ ba.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/1206 ngày 09/6/2026, sửa đổi Quy định (EU) 2019/1793 về việc tạm thời tăng cường kiểm soát chính thức và áp dụng các biện pháp khẩn cấp đối với một số hàng hóa nhập khẩu từ một số nước thứ ba. Quy định bổ sung mặt hàng lạc và các sản phẩm từ lạc của Ác-hen-ti-na vào Phụ lục I với tần suất kiểm tra 20% do rủi ro ô nhiễm aflatoxin. Tại Phụ lục I, EU tăng tần suất kiểm tra lên 50% đối với hạt cumin của Ấn Độ, đậu đũa của Xri Lan-ca, tahini và halva từ hạt vừng của Xi-ri; đồng thời tăng lên 30% đối với cà tím của Buốc-ki-na Pha-xô và na của Ai Cập. Tại Phụ lục II, tần suất kiểm tra được giảm xuống 30% đối với nhục đậu khấu của In-đô-nê-xi-a và 10% đối với xanthan gum của Trung Quốc.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Ngoài ra, EU chuyển mặt hàng quế của Ấn Độ từ Phụ lục II sang Phụ lục I, theo đó vẫn duy trì tần suất kiểm tra 20% nhưng không còn thuộc nhóm hàng phải đáp ứng điều kiện nhập khẩu đặc biệt kèm giấy chứng nhận chính thức và kết quả lấy mẫu, phân tích từ nước xuất khẩu. Mặt hàng ớt thuộc chi Capsicum, gồm ớt ngọt và ớt không ngọt, của Ấn Độ được loại khỏi Phụ lục I đối với rủi ro aflatoxin. Các mặt hàng gia vị của Ấn Độ trước đây được gộp chung nay được tách chi tiết theo từng mặt hàng và mã CN nhằm áp dụng biện pháp kiểm soát mục tiêu hơn.</p> <p>Đối với Việt Nam, trong đợt sửa đổi này chưa ghi nhận thay đổi về tần suất kiểm tra đối với các mặt hàng của Việt Nam so với danh sách đang áp dụng. EU tiếp tục duy trì kiểm soát đối với 04 mặt hàng của Việt Nam. Cụ thể, tại Phụ lục I, sần riêng tươi hoặc ướp lạnh tiếp tục bị kiểm tra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật với tần suất 20%. Tại Phụ lục II, đậu bắp và ớt thuộc chi Capsicum loại không ngọt tiếp tục bị kiểm tra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật với tần suất 50%; thanh long tiếp tục bị kiểm tra với tần suất 30%. Các mặt hàng thuộc Phụ lục II phải đáp ứng điều kiện nhập khẩu đặc biệt, gồm giấy chứng nhận chính thức và kết quả lấy mẫu, phân tích kèm theo lô hàng, đồng thời vẫn bị kiểm tra tại cửa khẩu EU.</p> <p>Quy định dự kiến hiệu lực từ ngày 30/6/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
8	G/SPS/N/EU/956	CNTY, TSKN	Liên minh châu Âu	10/6/2026	<p>Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/1150 ngày 28/5/2026, đồng thời bãi bỏ Quy định (EU) 2015/264 về việc gia hạn cấp phép đối với neohesperidine dihydrochalcone làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho lợn con, lợn vỗ béo, bê, cừu, các loại cá có vây (dùng làm thực phẩm và làm cảnh) và chó.</p>	<p>Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/1150 ngày 28/5/2026, đồng thời bãi bỏ Quy định (EU) 2015/264 về việc gia hạn cấp phép đối với neohesperidine dihydrochalcone làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho lợn con, lợn vỗ béo, bê, cừu, các loại cá có vây (dùng làm thực phẩm và làm cảnh) và chó.</p> <p>Theo quy định, neohesperidine dihydrochalcone được gia hạn cấp phép tại EU với thời hạn đến ngày 18/6/2036, thuộc nhóm "phụ gia cảm quan", chức năng "hợp chất tạo hương". Việc gia hạn dựa trên kết luận đánh giá khoa học của Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA), theo đó chất này tiếp tục được đánh giá là an toàn đối với các loài động vật mục tiêu, người tiêu dùng và môi trường trong các điều kiện sử dụng hiện đang được cấp phép.</p> <p>Quy định thiết lập mức hàm lượng tối đa là 35 mg/kg thức ăn hoàn chỉnh (độ ẩm 12%) đối với tất cả các loài động vật mục tiêu nêu trên. Quy định cũng yêu cầu trong hướng dẫn sử dụng phụ gia và premix phải nêu điều kiện bảo quản và độ ổn định đối với xử lý nhiệt; đồng thời, cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải có quy trình vận hành và biện pháp tổ chức để kiểm soát rủi ro đối với người sử dụng (do EFSA kết luận có khả năng phơi nhiễm qua đường hô hấp). Trường hợp các rủi ro này không thể được loại bỏ bằng các quy trình, biện pháp nêu trên, phụ gia và premix phải được sử dụng kèm phương tiện bảo hộ hô hấp cá nhân.</p> <p>Ngoài ra, văn bản quy định điều khoản chuyển tiếp cho</p>
						<p>phép tiếp tục đưa ra thị trường và sử dụng cho đến khi hết hàng tồn kho đối với các sản phẩm được sản xuất và ghi nhãn theo các quy tắc áp dụng trước ngày 18/6/2026, cụ thể: phụ gia và premix (trước ngày 18/12/2026); thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn cho động vật làm thực phẩm (trước ngày 18/6/2027); và thức ăn hỗn hợp, nguyên liệu thức ăn cho động vật không làm thực phẩm (trước ngày 18/6/2028).</p> <p>Quy định dự kiến có hiệu lực vào ngày thứ 20 sau khi công bố trên Công báo của Liên minh châu Âu.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
9	G/SPS/N/EU/954	CNTY, CCPT	Liên minh châu Âu	09/6/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/1148 ngày 28/5/2026, đồng thời bãi bỏ Quy định (EU) 2015/1103 về việc gia hạn cấp phép đối với beta-carotene và một chế phẩm của beta-carotene làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/1148 ngày 28/5/2026, đồng thời bãi bỏ Quy định (EU) 2015/1103 về việc gia hạn cấp phép đối với beta-carotene và một chế phẩm của beta-carotene làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Theo quy định, beta-carotene (mã số 3a160) và chế phẩm của beta-carotene (mã số 3a160i) được gia hạn cấp phép tại EU với thời hạn đến ngày 18/6/2036, thuộc nhóm “phụ gia dinh dưỡng”, chức năng “vitamin, tiền vitamin và các chất được xác định rõ về mặt hóa học có tác dụng tương tự”. Việc gia hạn dựa trên kết luận đánh giá khoa học của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (EFSA), theo đó việc sử dụng beta-carotene và chế phẩm beta-carotene được sản xuất bằng phương pháp tổng hợp hóa học tiếp tục được đánh giá là an toàn đối với tất cả các loài động vật, người tiêu dùng và môi trường trong các điều kiện đang được cấp phép.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Quy định đưa ra một số điều kiện sử dụng cụ thể. Đối với an toàn người tiêu dùng, do việc tiêu thụ gan từ bê thịt có thể dẫn đến phơi nhiễm bổ sung nên văn bản quy định mức hàm lượng tối đa 50 mg/kg chất hoạt tính trên 1 kg thức ăn hoàn chỉnh có độ ẩm 12% đối với bê khi sử dụng trong thức ăn thay thế sữa. Đối với các loài và nhóm động vật khác, không quy định mức hàm lượng tối đa.</p> <p>Đối với an toàn người sử dụng, EFSA kết luận beta-carotene không gây kích ứng da, mắt và không gây mẫn cảm da; một chế phẩm chứa 10% beta-carotene được đánh giá là không gây mẫn cảm da, tuy nhiên chưa thể kết luận về an toàn đối với người sử dụng đối với các chế phẩm khác. Vì vậy, đối với chế phẩm beta-carotene mã số 3a160i, cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải có quy trình vận hành và biện pháp tổ chức để kiểm soát rủi ro tiềm ẩn. Trường hợp không thể loại bỏ rủi ro bằng các biện pháp này, phụ gia và premix phải được sử dụng kèm phương tiện bảo hộ cá nhân phù hợp, bao gồm bảo vệ mắt, da và đường hô hấp.</p> <p>Ngoài ra, văn bản quy định điều khoản chuyển tiếp đối với các sản phẩm được sản xuất và ghi nhãn theo quy định cũ áp dụng trước ngày 18/6/2026. Cụ thể, phụ gia beta-carotene và premix chứa phụ gia này dành cho tất cả các loài động vật nếu được sản xuất và ghi nhãn trước ngày 18/12/2026; thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi chứa beta-carotene dành cho động vật dùng làm thực phẩm nếu được sản xuất và ghi nhãn trước ngày 18/6/2027; và thức ăn hỗn hợp, nguyên liệu thức ăn chăn</p>
						<p>nuôi dành cho động vật không dùng làm thực phẩm nếu được sản xuất và ghi nhãn trước ngày 18/6/2028 thì được tiếp tục đưa ra thị trường và sử dụng đến khi hết hàng tồn kho.</p> <p>Quy định được công bố trên Công báo Liên minh châu Âu ngày 29/5/2026 và có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày công bố.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
10	G/SPS/N/EU/952	CNTY	Liên minh châu Âu	09/6/2026	<p>Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/1146 ngày 28/5/2026, đồng thời sửa đổi Quy định (EU) số 1065/2012 và bãi bỏ Quy định (EU) số 1113/2013 về việc gia hạn cấp phép các chế phẩm của <i>Lactiplantibacillus plantarum</i> (bao gồm các chủng DSM 18112, DSM 18113, DSM 18114, ATCC 55943, ATCC 55944) và <i>Lentilactobacillus buchneri</i> (bao gồm các chủng ATCC PTA-2494, ATCC PTA-6138) làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.</p>	<p>Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/1146 ngày 28/5/2026, đồng thời sửa đổi Quy định (EU) số 1065/2012 và bãi bỏ Quy định (EU) số 1113/2013 về việc gia hạn cấp phép các chế phẩm của <i>Lactiplantibacillus plantarum</i> (bao gồm các chủng DSM 18112, DSM 18113, DSM 18114, ATCC 55943, ATCC 55944) và <i>Lentilactobacillus buchneri</i> (bao gồm các chủng ATCC PTA-2494, ATCC PTA-6138) làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.</p> <p>Theo quy định, các chế phẩm này được gia hạn cấp phép tại EU với thời hạn đến ngày 18/06/2036, thuộc nhóm "phụ gia công nghệ", chức năng "phụ gia ủ chua". Việc gia hạn dựa trên kết luận đánh giá khoa học của Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA), theo đó các chất này tiếp tục được đánh giá là an toàn đối với tất cả các loài động vật, người tiêu dùng và môi trường trong các điều kiện sử dụng hiện đang được cấp phép.</p> <p>Các phụ gia này chỉ được sử dụng cho nguyên liệu tươi để ủ chua và phải đáp ứng mức liều tối thiểu cụ thể đối với từng chủng khi không sử dụng kết hợp với vi sinh vật hoặc enzym khác làm phụ gia ủ chua.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Quy định cũng yêu cầu trong hướng dẫn sử dụng phụ gia và premix phải nêu điều kiện bảo quản; đồng thời cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải có quy trình vận hành và biện pháp tổ chức để kiểm soát rủi ro đối với người sử dụng. Trường hợp các rủi ro này không thể được loại bỏ bằng các quy trình, biện pháp nêu trên, phụ gia và premix phải được sử dụng kèm phương tiện bảo hộ cá nhân cho da, mắt và hô hấp.</p> <p>Ngoài ra, văn bản quy định điều khoản chuyển tiếp cho phép các chế phẩm này và thức ăn chăn nuôi chứa chúng, nếu được sản xuất và ghi nhãn trước ngày 18/6/2027 theo các quy định cũ, thì được tiếp tục đưa ra thị trường và sử dụng cho đến khi hết hàng tồn kho.</p> <p>Quy định có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày công bố trên Công báo Liên minh châu Âu.</p>
11	G/SPS/N/EU/955	CNTY, CCPT	Liên minh châu Âu	09/6/2026	<p>Liên minh châu Âu ban hành quy định (EU) 2026/1151 gia hạn cấp phép sử dụng inositol làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho cá và giáp xác, đồng thời bãi bỏ Quy định (EU) số 1249/2014.</p>	<p>Liên minh châu Âu ban hành quy định (EU) 2026/1151 gia hạn cấp phép sử dụng inositol làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho cá và giáp xác, đồng thời bãi bỏ Quy định (EU) số 1249/2014.</p> <p>Theo đó, inositol tiếp tục được phép sử dụng trong thức ăn dành cho cá vây dẹt làm thực phẩm, cá cảnh, động vật giáp xác nuôi dẹt làm thực phẩm và giáp xác cảnh thuộc nhóm phụ gia dinh dưỡng (vitamin, tiền vitamin và các chất có tác dụng tương tự trong thức ăn chăn nuôi).</p> <p>Quy định duy trì việc sử dụng inositol có độ tinh khiết tối thiểu 97% và yêu cầu trong hướng dẫn sử dụng phụ gia và premix phải ghi rõ điều kiện bảo quản cũng như độ ổn định khi xử lý nhiệt; thời hạn cấp phép đối với inositol kéo dài đến ngày 18/6/2036.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Ngoài ra, quy định điều khoản chuyển tiếp đối với phụ gia inositol, premix, thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có chứa inositol đã được sản xuất và ghi nhãn theo quy định cũ trước các mốc tương ứng, cụ thể, phụ gia và premix dành cho cá và giáp xác được sản xuất, ghi nhãn trước ngày 18/12/2026; thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi dành cho động vật dùng làm thực phẩm được sản xuất, ghi nhãn trước ngày 18/6/2027; và sản phẩm dành cho động vật không dùng làm thực phẩm được sản xuất, ghi nhãn trước ngày 18/6/2028 được tiếp tục đưa ra thị trường và sử dụng đến khi hết hàng tồn kho.</p> <p>Quy định có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày công bố trên Công báo Liên minh châu Âu</p>
12	G/SPS/N/BRA/2475/Add.1	TTBVTV	Bra-xin	09/6/2026	Bra-xin ban hành văn bản hướng dẫn quy phạm số 446 ngày 28/5/2026 (dự thảo đã thông báo trước đó tại G/SPS/N/BRA/2475)	<p>Bra-xin ban hành văn bản hướng dẫn quy phạm số 446 ngày 28/5/2026 (dự thảo đã thông báo trước đó tại G/SPS/N/BRA/2475).</p> <p>Theo đó, bổ sung hoạt chất V05 – Valifenalate vào Danh mục các hoạt chất được phép sử dụng trong thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm vệ sinh diệt sinh vật gây hại và chất bảo quản gỗ.</p> <p>Văn bản hướng dẫn quy phạm này được công bố trên Công báo Bra-xin ngày 01/6/2026 và có hiệu lực kể từ ngày công bố.</p> <p>Thời hạn tiếp nhận ý kiến phản hồi hoặc yêu cầu làm rõ của các nước thành viên là 60 ngày, đến ngày 08/8/2026, thông qua Điểm hỏi đáp quốc gia của Bra-xin/ANVISA.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
13	G/SPS/N/BRA/2470/Add.1	TTBVTV, LNKL	Bra-xin	09/6/2026	Bra-xin ban hành văn bản hướng dẫn quy phạm số 447 ngày 28/5/2026.	<p>Bra-xin ban hành văn bản hướng dẫn quy phạm số 447 ngày 28/5/2026 (dự thảo trước đó đã được thông báo tại mã G/SPS/N/BRA/2470 ngày 04/02/2026).</p> <p>Theo đó sửa đổi chuyên khảo đối với hoạt chất G07 - Geraniol trong Danh mục chuyên khảo hoạt chất dùng cho thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm vệ sinh diệt sinh vật gây hại và chất bảo quản gỗ, được ban hành kèm theo văn bản hướng dẫn quy phạm số 103 ngày 19/10/2021, cụ thể sửa đổi gồm bổ sung phương thức sử dụng trong nông nghiệp, xếp Geraniol vào nhóm công dụng nông học là thuốc trừ nhện, đồng thời cập nhật các đặc tính độc tính của hoạt chất này.</p> <p>Văn bản hướng dẫn quy phạm này được công bố trên Công báo Bra-xin ngày 01/6/2026 và có hiệu lực kể từ ngày công bố.</p> <p>Thời hạn tiếp nhận ý kiến phản hồi hoặc yêu cầu làm rõ của các nước thành viên là 60 ngày (đến ngày 08/8/2026) thông qua Điểm hỏi đáp quốc gia của Bra-xin/ANVISA.</p>
14	G/SPS/N/ISR/12/Rev. 1	TTBVTV, CNTY, CCPT, ATTP, BCT	I-xra-en	08/6/2026	I-xra-en ban hành quy định sửa đổi lần 2 về Quy định Bảo vệ Sức khỏe Cộng đồng (Thực phẩm) đối với mức dư lượng tối đa (MRLs) của thuốc bảo vệ thực vật.	<p>I-xra-en ban hành quy định sửa đổi lần 2 về Quy định Bảo vệ Sức khỏe Cộng đồng (Thực phẩm) đối với mức dư lượng tối đa (MRLs) của thuốc bảo vệ thực vật.</p> <p>Theo đó, quy định bổ nội dung tham chiếu liên quan đến chú thích số 1 sau mục dầu thực vật/dầu hạt cải trong Phụ lục IV; đồng thời bổ sung tham chiếu đối với Betabaculovirus phoperculellae và sắt. I-xra-en dự kiến áp dụng các thay đổi này vào pháp luật trong nước mà không sửa đổi, không bổ sung điều kiện, ngoại lệ hoặc mở rộng thêm so với quy định của EU; các ngoại lệ hiện hành trong pháp luật I-xra-en vẫn tiếp tục được áp dụng.</p>
						<p>Thông báo này được ban hành ngày 21/4/2026 và đã có hiệu lực từ ngày 04/5/2026.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 07/8/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
15	G/SPS/N/CRI/266/Add.2	TTBVTV	Cô-xta Ri-ca	05/6/2026	<p>Cô-xta Ri-ca ban hành Nghị quyết DSFE số 0011-2026 sửa đổi Nghị quyết số 060-2024-CV-ARP-SFE ngày 23/7/2024 về các biện pháp kiểm dịch thực vật đối với cây dứa để trồng và cây nuôi cấy in vitro thuộc họ Chuối (Musaceae, <i>Musa</i> sp.) có xuất xứ từ mọi quốc gia, đồng thời quy định biện pháp giảm thiểu nguy cơ đối với nấm <i>Fusarium oxysporum</i> f. sp. <i>cubense</i> chủng nhiệt đới 4 (Foc TR4), tác nhân gây bệnh héo rũ Panama trên chuối.</p>	<p>Cô-xta Ri-ca ban hành Nghị quyết DSFE số 0011-2026 sửa đổi Nghị quyết số 060-2024-CV-ARP-SFE ngày 23/7/2024 về các biện pháp kiểm dịch thực vật đối với cây dứa để trồng và cây nuôi cấy in vitro thuộc họ Chuối (Musaceae, <i>Musa</i> sp.) có xuất xứ từ mọi quốc gia, đồng thời quy định biện pháp giảm thiểu nguy cơ đối với nấm <i>Fusarium oxysporum</i> f. sp. <i>cubense</i> chủng nhiệt đới 4 (Foc TR4), tác nhân gây bệnh héo rũ Panama trên chuối.</p> <p>Trong đó, nội dung sửa đổi tập trung vào khoản b mục 6 của Nghị quyết số 060-2024-CV-ARP-SFE liên quan đến việc áp dụng biện pháp kiểm dịch thực vật tạm thời đối với công-ten-nơ và phương tiện vận chuyển trái cây của cây ký chủ Foc TR4 từ các quốc gia có sự hiện diện của sinh vật gây hại này; đồng thời cấm mở công-ten-nơ chứa trái cây thuộc họ Chuối có nguồn gốc từ các quốc gia nêu trên để gom hàng, trộn hàng hoặc thực hiện các hoạt động tương tự trong quy trình logistics tại cảng.</p> <p>Các nội dung khác của Nghị quyết số 060-2024-CV-ARP-SFE không được điều chỉnh bởi Nghị quyết này tiếp tục có hiệu lực.</p> <p>Đối với lô hàng đã có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật trước thời điểm ký Nghị quyết DSFE số 0011-2026 vẫn được phép thực hiện quy trình trộn/gom hàng nếu đã có yêu cầu hoặc chỉ định trước khi Nghị quyết có hiệu lực.</p>
						<p>Các lô hàng quá cảnh sẽ phải chịu biện pháp kiểm tra kiểm dịch thực vật khi đến Cô-xta Ri-ca.</p> <p>Quy định này có hiệu lực từ ngày ký.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
16	G/SPS/N/JPN/1406/Add.1	CNTY	Nhật Bản	05/6/2026	<p>Nhật Bản sửa đổi Quy định thi hành Luật Kiểm soát bệnh truyền nhiễm động vật trong nước, liên quan đến yêu cầu thông báo trước khi nhập khẩu động vật. Theo đó, bổ sung thỏ sổng (thuộc họ <i>Leporidae</i>) và ong mật sổng (thuộc giống <i>Apis</i>) vào danh mục động vật phải thông báo trước khi nhập khẩu.</p>	<p>Nhật Bản sửa đổi Quy định thi hành Luật Kiểm soát bệnh truyền nhiễm động vật trong nước, liên quan đến yêu cầu thông báo trước khi nhập khẩu động vật. Theo đó, bổ sung thỏ sổng (thuộc họ <i>Leporidae</i>) và ong mật sổng (thuộc giống <i>Apis</i>) vào danh mục động vật phải thông báo trước khi nhập khẩu.</p> <p>Quy định sửa đổi dự kiến được công bố trên Công báo Nhật Bản vào giữa tháng 6/2026 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2027. Từ thời điểm này, việc nhập khẩu thỏ sổng và ong mật sổng vào Nhật Bản phải được thông báo trước cho Cơ quan Kiểm dịch động vật Nhật Bản ít nhất 40 ngày trước khi hàng đến, theo Mẫu số 21-3 quy định tại Điều 47-3. Cụ thể, Mẫu số 21-3 yêu cầu người nhập khẩu khai các thông tin cơ bản về động vật nhập khẩu, gồm loài, số lượng, giới tính, độ tuổi, nơi sản xuất, thời gian và địa điểm nhập khẩu, thông tin người nhận hàng, người gửi hàng, địa điểm và thời gian dự kiến xếp hàng lên phương tiện vận chuyển, phương tiện vận chuyển dự kiến và các thông tin tham khảo khác. Riêng tại mục “các thông tin tham khảo khác”, người khai cần cung cấp thêm các nội dung phục vụ kiểm tra nhập khẩu, bao gồm mục đích sử dụng của động vật, tình trạng mang thai và ngày phối giống nếu có hoặc nếu phù hợp, nơi đến hoặc địa điểm nuôi dưỡng, sử dụng dự kiến tại Nhật Bản và các thông tin liên quan khác.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
17	G/SPS/N/EU/898/Add.1	CNTY	Liên minh châu Âu	03/6/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) số 2026/1115 ngày 26/5/2026 sửa đổi Quy định (EC) số 429/2008 liên quan đến mẫu đơn đăng ký cấp phép phụ gia thức ăn chăn nuôi và cách xác định loài, nhóm động vật mục tiêu.	<p>Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) số 2026/1115 ngày 26/5/2026 sửa đổi Quy định (EC) số 429/2008 liên quan đến mẫu đơn đăng ký cấp phép phụ gia thức ăn chăn nuôi và cách xác định loài, nhóm động vật mục tiêu.</p> <p>Quy định cập nhật mẫu đơn đăng ký cấp phép phụ gia thức ăn chăn nuôi để phù hợp với việc nộp hồ sơ qua hệ thống điện tử của Ủy ban châu Âu; đồng thời sửa đổi thuật ngữ và cách phân loại loài, nhóm động vật mục tiêu trong hồ sơ đăng ký. Theo đó, các loài/nhóm động vật mục tiêu được phân loại thành các nhóm như lợn, gia cầm, động vật nhai lại, động vật thủy sản dùng làm thực phẩm, bộ thỏ, họ ngựa, động vật sản xuất thực phẩm khác, thú cưng và động vật không dùng làm thực phẩm, cùng nhóm áp dụng cho tất cả các loài động vật.</p> <p>Quy định cũng bổ sung định nghĩa về “loài chính” và “loài phụ”, cập nhật thời gian thử nghiệm hiệu quả dài hạn tối thiểu đối với từng loài, nhóm động vật, đồng thời đưa ra bảng đối chiếu thuật ngữ để hỗ trợ việc sửa đổi hoặc gia hạn các giấy phép đã được cấp trước đó.</p> <p>Quy định có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày đăng trên Công báo Liên minh châu Âu và áp dụng từ ngày 16/12/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
18	G/SPS/N/CHE/102	TTBVTV	Thụy Sĩ	03/6/2026	Thụy Sĩ thông báo sửa đổi quy định về các biện pháp kiểm dịch thực vật trong nông nghiệp và làm vườn.	<p>Thụy Sĩ thông báo sửa đổi quy định về các biện pháp kiểm dịch thực vật trong nông nghiệp và làm vườn. Biện pháp áp dụng đối với cây sồng, củ, rễ, hoa cắt cành, lá trang trí thuộc mã HS 06; rau, một số loại rễ và củ ăn được thuộc mã HS 07; quả ăn được, quả hạch, vỏ quả có múi hoặc dưa thuộc mã HS 08.</p> <p>Các thay đổi chính gồm gia hạn miễn trừ lệnh cấm nhập khẩu tạm thời đối với khoai tây dùng làm thực phẩm có xuất xứ từ Ai Cập; gia hạn biện pháp đối với <i>Phyllosticta citricarpa</i> và <i>Spodoptera frugiperda</i>; bổ sung biện pháp tiêu diệt và ngăn chặn sự lây lan của <i>Popillia japonica</i>; đồng thời loại bỏ một số hàng hóa khỏi danh mục hàng hóa có rủi ro cao đang bị cấm nhập khẩu tạm thời; một số hàng hóa sau khi được loại khỏi danh mục này vẫn phải đáp ứng các điều kiện nhập khẩu bổ sung.</p> <p>Văn bản được thông qua ngày 29/5/2026, dự kiến công bố và có hiệu lực từ ngày 01/7/2026; riêng một nội dung tại Phụ lục 4 có hiệu lực từ ngày 01/01/2027.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 20/6/2026.</p>
19	G/SPS/N/UKR/268	TTBVTV	U-crai-na	03/6/2026	U-crai-na ban hành quy định số 514 ngày 16/4/2026 về việc phê duyệt sửa đổi các Quy định y tế và vệ sinh nhà nước đối với việc sử dụng an toàn thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất nông nghiệp.	<p>U-crai-na ban hành quy định số 514 ngày 16/4/2026 về việc phê duyệt sửa đổi các Quy định y tế và vệ sinh nhà nước đối với việc sử dụng an toàn thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất nông nghiệp (đã được phê duyệt tại quy định số 55 ngày 02/02/2016 của Bộ Y tế U-crai-na, và sửa đổi bởi quy định số 1276 ngày 28/5/2020).</p> <p>Nội dung sửa đổi gồm làm rõ một số mục tại Bảng 6 và Bảng 7, đồng thời bổ sung Bảng 8 mới vào Quy chuẩn.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Các bảng này quy định các chỉ tiêu liên quan đến hoạt chất, sản phẩm áp dụng, mức dư lượng tối đa trong thực phẩm, nồng độ tối đa cho phép trong môi trường làm việc, không khí, nước, đất, thời gian cách ly trước thu hoạch, thời gian quay lại khu vực đã xử lý và phân loại mức độ nguy hại. Đáng chú ý, văn bản cập nhật chỉ tiêu kỹ thuật đối với một số hoạt chất và chế phẩm sử dụng trên cây trồng, trong đó có diquat dibromide đối với hạt hướng dương, dầu hướng dương, hạt cải dầu, dầu cải dầu và hạt đậu tương; isoxaflutole đối với ngô; một số chế phẩm, hỗn hợp hoạt chất như boscalid + prothioconazole, abamectin + spirotetramat, mesotrione + nicosulfuron. Các chỉ tiêu được quy định bao gồm mức dư lượng tối đa, liều lượng chấp nhận hằng ngày, nồng độ tối đa cho phép trong môi trường, thời gian cách ly và cảnh báo nguy hại khi sử dụng.</p> <p>Quy định được đăng ký tại Bộ Tư pháp U-crai-na ngày 01/5/2026, công bố ngày 13/5/2026 và có hiệu lực từ ngày công bố.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 02/8/2026.</p>
20	G/SPS/N/TUR/150 /Add.1	ATTP, CCPT, BCT	Thổ Nhĩ Kỳ	03/6/2026	Thổ Nhĩ Kỳ ban hành Thông tư hướng dẫn triển khai Quy định về Thực phẩm mới (Novel Foods) thuộc Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ.	Thổ Nhĩ Kỳ ban hành Thông tư hướng dẫn triển khai Quy định về Thực phẩm mới (Novel Foods) thuộc Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ. Thông tư quy định các thủ tục và yêu cầu hành chính, khoa học áp dụng trong việc xác định phạm vi thực phẩm mới; hồ sơ đề nghị cấp phép đối với thực phẩm mới; hồ sơ thông báo và cấp phép đối với thực phẩm truyền thống có nguồn gốc từ các quốc gia khác.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Về quy trình xử lý hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra sơ bộ trong thời hạn 15 ngày làm việc và kiểm tra chi tiết trong thời hạn 30 ngày làm việc. Đối với thủ tục xác định tình trạng thực phẩm mới, quyết định được đưa ra trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày hồ sơ được xác định là hợp lệ và có thể được gia hạn tối đa thêm 4 tháng nếu có căn cứ phù hợp. Thông tư cũng quy định về yêu cầu đánh giá rủi ro, bảo mật thông tin, công bố kết quả xác định tình trạng thực phẩm mới và nội dung ý kiến khoa học của Ủy ban Khoa học. Đối với thực phẩm truyền thống có nguồn gốc từ quốc gia khác, doanh nghiệp phải chứng minh sản phẩm đã được sử dụng an toàn tại quốc gia xuất xứ và thực hiện thủ tục thông báo hoặc đề nghị cấp phép trước khi đưa sản phẩm vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ.</p> <p>Thông tư được công bố trên Công báo số 33259 ngày 20/5/2026 và có hiệu lực kể từ ngày công bố.</p>
21	G/SPS/N/TUR/149/Add.1	ATTP, CCPT, BCT	Thổ Nhĩ Kỳ	03/6/2026	Thổ Nhĩ Kỳ ban hành Quy định về thực phẩm mới thuộc Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ.	<p>Thổ Nhĩ Kỳ ban hành Quy định về thực phẩm mới thuộc Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ.</p> <p>Theo đó quy định các nguyên tắc quản lý đối với việc đánh giá, phê duyệt và đưa thực phẩm mới ra thị trường, để bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và bảo đảm minh bạch trong quản lý an toàn thực phẩm.</p> <p>Đối với thực phẩm mới là thực phẩm chưa được con người tiêu thụ ở mức đáng kể tại Thổ Nhĩ Kỳ trước ngày 31/12/2025 và thuộc một trong các nhóm như: thực phẩm có cấu trúc phân tử mới hoặc được thay đổi có chủ đích; thực phẩm được cấu thành từ, phân lập từ hoặc sản xuất từ vi sinh vật, nấm, tảo, vật liệu có nguồn gốc khoáng chất; thực phẩm từ thực vật, động vật được sản</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>xuất bằng phương pháp phi truyền thống; thực phẩm từ nuôi cấy tế bào hoặc mô; thực phẩm được tạo ra bằng quy trình sản xuất mới làm thay đổi đáng kể thành phần, cấu trúc hoặc giá trị dinh dưỡng; thực phẩm chứa vật liệu nano được thiết kế; vitamin, khoáng chất và các chất dinh dưỡng trước đây <b>chỉ được phép sử dụng trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe nhưng nay được bổ sung vào thực phẩm thông thường.</b></p> <p>Quy định không áp dụng đối với các nhóm sản phẩm đã được điều chỉnh bởi quy định chuyên ngành riêng, bao gồm sinh vật biến đổi gen và sản phẩm từ sinh vật biến đổi gen, enzym thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất tạo hương và thành phần có đặc tính tạo hương, dung môi chiết xuất sử dụng trong chế biến thực phẩm. Đáng chú ý, Thổ Nhĩ Kỳ không tiếp nhận hồ sơ đăng ký hoặc thông báo và không đưa vào Danh mục được phép đối với thực phẩm mới có nguồn gốc từ lợn và côn trùng.</p> <p>Thực phẩm mới chỉ được phép lưu thông trên thị trường khi được đưa vào Danh mục thực phẩm mới được phép sử dụng tại Phụ lục 1 của Quy định và phải đáp ứng các điều kiện sử dụng, mức sử dụng tối đa và yêu cầu ghi nhãn cụ thể tương ứng. Việc phê duyệt chỉ được thực hiện khi có đầy đủ bằng chứng khoa học chứng minh sản phẩm không gây rủi ro đối với sức khỏe con người, không gây hiểu lầm cho người tiêu dùng và không làm bất lợi về dinh dưỡng trong trường hợp được sử dụng thay thế thực phẩm khác.</p> <p>Về quy trình đánh giá, Tổng cục Thực phẩm và Kiểm soát kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong 45 ngày làm việc.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Hồ sơ hợp lệ được chuyển đến Ủy ban Khoa học để đánh giá rủi ro và xây dựng dự thảo ý kiến khoa học trong 9 tháng; riêng thực phẩm truyền thống từ nước ngoài là 4 tháng. Dự thảo được công khai lấy ý kiến trong 30 ngày trước khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định cuối cùng.</p> <p>Quy định cũng nêu rõ cơ chế bảo hộ dữ liệu đối với bằng chứng và dữ liệu khoa học mới trong hồ sơ đăng ký. Theo đó, dữ liệu được chấp thuận bảo hộ có thể được bảo hộ độc quyền trong thời hạn 5 năm kể từ ngày cấp phép; trong thời gian này, tổ chức, cá nhân khác không được sử dụng dữ liệu đó để đăng ký sản phẩm tương tự nếu không có sự đồng ý của chủ sở hữu dữ liệu. Doanh nghiệp cũng có thể đề nghị bảo mật một số thông tin thương mại, như quy trình sản xuất chi tiết, chiến lược thương mại, hệ thống phân phối và thành phần định lượng cụ thể, trừ các thông tin cần thiết cho đánh giá an toàn sức khỏe hoặc trong trường hợp khẩn cấp.</p> <p>Đối với quy định chuyên tiếp, các doanh nghiệp thực phẩm đang đưa sản phẩm ra thị trường phải hoàn thành việc điều chỉnh để tuân thủ Danh mục thực phẩm mới tại Phụ lục 1 chậm nhất vào ngày 30/6/2027. Các sản phẩm đã được ghi nhãn hoặc đưa ra lưu thông trên thị trường trước ngày 30/6/2027 được tiếp tục lưu thông cho đến hết hạn sử dụng.</p> <p>Quy định được công bố trên Công báo số 33259 ngày 20/5/2026 và có hiệu lực kể từ ngày ban hành.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
22	G/SPS/N/EU/931/Add.1	TTBVTV	Liên minh châu Âu	02/6/2026	<p>Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/1110 ngày 22/5/2026 sửa đổi Quy định (EU) 2019/2072 về các trường hợp được miễn áp dụng biện pháp phòng ngừa sự hiện diện của dịch hại không kiểm dịch thuộc diện quản lý (RNQP) trên một số cây trồng/thực vật để trồng.</p>	<p>Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/1110 ngày 22/5/2026 sửa đổi Quy định (EU) 2019/2072 về các trường hợp được miễn áp dụng biện pháp phòng ngừa sự hiện diện của dịch hại không kiểm dịch thuộc diện quản lý (RNQP) trên một số cây trồng/thực vật để trồng, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với cây trồng nói chung: Miễn trừ áp dụng biện pháp kiểm dịch RNQP khi vận chuyển phục vụ mục đích nghiên cứu, chọn giống, thử nghiệm chính thức, đóng gói hộ, hoặc để xuất khẩu sang nước thứ ba.</li> <li>- Đối với hạt giống cụ thể: Bổ sung cơ chế miễn trừ riêng đối với hạt giống chưa chứng nhận hoặc hạt giống thô đang vận chuyển để chế biến, đóng gói (với điều kiện phải được kiểm tra hoặc xử lý trước khi thương mại hóa) của các loài: lúa, hướng dương, lanh, đậu tương, các loại rau, cải dầu, cải turnip hoang dã và mù tạt trắng, v.v.</li> </ul> <p>Quy định này được ban hành trên cơ sở dự thảo đã thông báo trước đó tại G/SPS/N/EU/931 ngày 16/3/2026 và có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày đăng trên Công báo Liên minh châu Âu.</p> <p>Lưu ý: Các quy định này có liên quan đến việc miễn yêu cầu ghi khai báo bổ sung trên Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật về việc tuân thủ các biện pháp đối với RNQP. Nội dung khai báo bổ sung này sẽ được áp dụng từ ngày 06/7/2026 theo Quy định (EU) 2025/2249.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
23	G/SPS/N/UKR/259/Add.1	BCT	U-crai-na	02/6/2026	U-crai-na ban hành quy định số 4440 ngày 27/3/2026 sửa đổi quy định số 391 ngày 14/02/2024 về yêu cầu đối với mứt trái cây, thạch, mứt marmalade và mứt hạt dẻ dạng nhuyễn.	<p>U-crai-na ban hành quy định số 4440 ngày 27/3/2026 sửa đổi quy định số 391 ngày 14/02/2024 về yêu cầu đối với mứt trái cây, thạch, mứt marmalade và mứt hạt dẻ dạng nhuyễn.</p> <p>Theo đó quy định các chỉ tiêu chất lượng riêng đối với các sản phẩm nêu trên để bảo đảm cung cấp thông tin đầy đủ cho người tiêu dùng, bao gồm thông tin ghi nhãn, đồng thời ngăn ngừa các hành vi kinh doanh có thể gây nhầm lẫn. Quy định không áp dụng đối với nguyên liệu dùng để sản xuất bánh mì, bánh nướng hoặc bánh quy.</p> <p>Quy định cập nhật rõ khái niệm và điều kiện sử dụng tên gọi của từng nhóm sản phẩm như mứt, mứt loại “extra”, thạch, thạch loại “extra”, mứt marmalade từ quả có múi và mứt hạt dẻ dạng nhuyễn. Một số yêu cầu đáng chú ý gồm: sản phẩm phải đáp ứng tỷ lệ nguyên liệu quả tối thiểu theo từng loại; mứt hạt dẻ dạng nhuyễn phải có ít nhất 380 g purê hạt dẻ trên 1.000 g thành phẩm; sản phẩm thông thường phải có hàm lượng chất khô hòa tan từ 60% trở lên, trừ trường hợp đáp ứng quy định về hàm lượng đường thấp hoặc sử dụng chất tạo ngọt thay thế. Đồng thời, yêu cầu nhãn sản phẩm phải ghi rõ lượng quả sử dụng trên 100 g thành phẩm; tên sản phẩm phải thể hiện loại quả được sử dụng theo thứ tự giảm dần về tỷ lệ khối lượng, trừ trường hợp sản phẩm sử dụng từ ba loại quả trở lên thì có thể ghi “hỗn hợp quả” hoặc cách diễn đạt tương đương.</p> <p>Lưu ý: Các sản phẩm đáp ứng quy định trước đây được phép tiếp tục sản xuất và/hoặc đưa vào lưu thông trong thời hạn 03 năm theo quy định chuyển tiếp.</p>
						Quy định được công bố chính thức ngày 26/5/2026 và có hiệu lực từ ngày 26/11/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
24	G/SPS/N/CHL/874/Add.1	TTBVTV	Chi-lê	01/6/2026	Chi-lê ban hành quy định về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với nhập khẩu hạt giống của bất kỳ loài nào, không phân biệt xuất xứ, để kiểm soát các loài cỏ dại thuộc diện kiểm dịch thực vật có nguy cơ lẫn trong lô hạt giống nhập khẩu; đồng thời bãi bỏ Nghị quyết SAG số 3.139 năm 2003.	<p>Chi-lê ban hành quy định về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với nhập khẩu hạt giống của bất kỳ loài nào, không phân biệt xuất xứ, để kiểm soát các loài cỏ dại thuộc diện kiểm dịch thực vật có nguy cơ lẫn trong lô hạt giống nhập khẩu; đồng thời bãi bỏ Nghị quyết SAG số 3.139 năm 2003.</p> <p>Theo quy định, các lô hạt giống nhập khẩu vào Chi-lê không được chứa các loài cỏ dại thuộc danh mục dịch hại kiểm dịch của Chi-lê theo Nghị quyết SAG số 3.080 năm 2003 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và phải có Giấy chứng nhận hoặc Phiếu phân tích hạt giống chứng minh không có các loài cỏ dại thuộc danh mục dịch hại kiểm dịch của Chile. Việc phân tích phải được thực hiện đầy đủ theo quy tắc ISTA, trong đó nêu rõ các loài được phát hiện trong mẫu và khối lượng mẫu đã phân tích.</p> <p>Việc lấy mẫu chính thức các lô hạt giống thực hiện theo quy tắc ISTA hoặc theo Tiêu chuẩn quốc tế về các biện pháp kiểm dịch thực vật ISPM 31. Một số trường hợp được miễn yêu cầu về Giấy chứng nhận hoặc Phiếu phân tích hạt giống, gồm hạt giống nhập khẩu phục vụ nghiên cứu hoặc nhân giống dòng thuần trong điều kiện được kiểm soát; một số loài hạt giống có nguy cơ thấp như ngô, đậu tương, cà chua, ớt chuông, dưa hấu; hạt giống đã qua bao viên, phủ viên hoặc xử lý tương tự; hạt giống cây ăn quả và cây lâm nghiệp.</p> <p>Tất cả các lô hạt giống nhập khẩu phải qua kiểm tra kiểm dịch thực vật trực quan tại cửa khẩu được cấp phép.</p>
						<p>Trường hợp cần thiết, SAG có thể lấy mẫu từng lô để gửi phòng thí nghiệm chính thức phân tích độ tinh sạch và xác định loài khác. Nếu phát hiện hạt của loài cỏ dại thuộc diện kiểm dịch thực vật đối với Chi-lê, lô hàng không được phép chọn lọc hoặc làm sạch mà phải trả về nước xuất xứ, tái xuất sang nước thứ ba chấp nhận tiếp nhận hoặc tiêu hủy. Quy định đã được công bố trên Công báo Chi-lê ngày 28/5/2026 và có hiệu lực sau 90 ngày kể từ ngày công bố.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
25	G/SPS/N/USA/3571	TTBVTV	Hoa Kỳ	01/6/2026	Hoa Kỳ ban hành quy định về mức dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật Propylene Oxide trên một số nông sản thực phẩm.	<p>Hoa Kỳ ban hành quy định về mức dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật Propylene Oxide trên một số nông sản thực phẩm. Theo đó, quy định mức dư lượng tối đa đối với hoạt chất Propylene Oxide (PPO) ở mức 300 ppm trên các sản phẩm gồm hạt vừng, nghệ khô, gừng khô, ớt chuông khô và ớt khô không thuộc nhóm ớt chuông. Quy định được ban hành trên cơ sở đơn kiến nghị của Công ty ABERCO, Inc. nhằm xác định mức dư lượng cho phép của hoạt chất này trên các mặt hàng nêu trên, góp phần bảo đảm an toàn thực phẩm và tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động thương mại.</p> <p>Trong quá trình rà soát đăng ký hoạt chất PPO, EPA xác định không cần thiết duy trì các mức dư lượng riêng đối với hợp chất PCH do việc giám sát dư lượng PPO đã đủ để phục vụ công tác kiểm soát việc sử dụng hoạt chất này theo quy định. Vì vậy, cơ quan này đã loại bỏ các mức dư lượng PCH hiện hành, đồng thời sửa đổi cách diễn đạt quy định để bảo đảm các sản phẩm phản ứng của PPO, bao gồm PCH và propylene bromohydrin, vẫn thuộc phạm vi quản lý của mức dư lượng PPO.</p>
						<p>Theo đó, EPA không thiết lập các mức dư lượng PCH như đề xuất ban đầu. Quy định có hiệu lực từ ngày 29/5/2026. Hiện Codex chưa thiết lập mức dư lượng tối đa đối với Propylene Oxide trên các mặt hàng gừng, nghệ, hạt vừng và các loại ớt nêu trong quy định này.</p> <p>Thời hạn gửi phản đối và yêu cầu điều trần chậm nhất ngày 28/7/2026, theo hướng dẫn tại 40 CFR Part 178.</p>

- Nội dung chi tiết được đăng tải tại: [www.spsvietnam.gov.vn](http://www.spsvietnam.gov.vn);

- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: TTBVTV: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; CCPT: Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường; CNTY: Chăn nuôi và Thú y; TSKN: Cục thủy sản và Kiểm ngư; LNKL: Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; BCT: Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương); ATP: Cục An toàn thực phẩm (Bộ Y tế);